

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2024/DS-PT

Ngày: 26 - 3 - 2024

V/v: Tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị My My

Ông Hoàng Kim Khánh

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Văn Hoàng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Bà Trần Thị Xuân Linh
Byã - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 45/2024/TLPT-DS ngày 30 tháng 01 năm 2024 về việc: “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 258/2023/DS-ST ngày 24 và ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 72/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1/ Bà Lâm Thị H, sinh năm 1957. Nơi ĐKKHKT: S1/33, cư xá P, phường A, quận F, thành phố Hồ Chí Minh. Chỗ ở hiện nay: Số A, đường số B, khu dân cư B, phường G, quận H, thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

2/ Bà Lâm Thị Bé U, sinh năm 1960; Nơi ĐKKHKT: Số C, đường C, phường A, quận C, thành phố Hồ Chí Minh. Chỗ ở hiện nay: Số B, đường N, phường H, quận A, thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

- Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn bà Lâm Thị H và bà Lâm Thị Bé U: Ông Tô Tiến D, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số E, đường M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Theo Giấy ủy quyền ngày 09/12/2021- Có mặt).

- Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn bà Lâm Thị H: Ông Lâm Tuấn H1, sinh năm 1973. Địa chỉ: Nhà A, đường số B, khu dân cư B, phường G, quận H, thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền ngày 19/5/2022- Có mặt).

- Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn bà Lâm Thị H: Ông Lê Văn D1, sinh năm 1953. Địa chỉ: Số F K, phường N, quận A, thành phố Hồ Chí Minh

(Có mặt).

- *Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn bà Lâm Thị Bé U:* Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1960. Địa chỉ: Số CC, phường A, quận C, thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

- *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn bà Lâm Thị H:* Luật Sư Lê Thị Kim D2 - Luật sư của Công ty L3, Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: Số F K, phường N, quận A, thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

- **Bị đơn:** Ông Lâm Út T1, sinh năm 1963; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Chỗ ở hiện nay: Cụm F, thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Ông Lâm Văn B (Nhỏ), sinh năm 1949. Địa chỉ: Số B đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

2/ Bà Lâm Thị Bé E, sinh năm 1949. Địa chỉ: Số D, đường X, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

Đại diện theo ủy quyền của bà Lâm Thị Bé E: Ông Lê Triệu K, sinh năm 1977. Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

3/ Ông Lâm Út N, sinh năm 1966. Địa chỉ: Số C, đường N, khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (Có mặt).

Đại diện theo ủy quyền của ông Lâm Út N: Ông Lê Văn D1, sinh năm 1953. Địa chỉ: Số F K, phường N, quận A, thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Lâm Út N: Luật Sư Lê Thị Kim D2 - Luật sư của Công ty L3, Đoàn Luật sư thành phố H. Địa chỉ: Số F K, phường N, quận A, thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

4/ Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1955 (Vợ ông Lâm Văn B1 (Lớn)). Địa chỉ: Số nhà A, tổ A, khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

(Bà Nguyễn Thị S ủy quyền cho bà Lâm Thị Tường V tham gia tố tụng tại Tòa án theo Giấy ủy quyền ngày 24/5/2022).

5/ Bà Lâm Thị Tường V, sinh năm 1985 (Con ông Lâm Văn B1 (Lớn)). Địa chỉ: Số nhà A, tổ A, khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang (Có mặt).

6/ Bà Lâm Thị Trúc V1, sinh năm 1988 (Con ông Lâm Văn B1(Lớn)); Địa chỉ: Số nhà A, tổ A, khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

(Bà Lâm Thị Trúc V1 ủy quyền cho bà Lâm Thị Tường V tham gia tố tụng tại Tòa án theo Giấy ủy quyền ngày 19/10/2022)

7/ Bà Nguyễn Thị D3, sinh năm 1961; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Chỗ ở hiện nay: Cụm F, thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

8/ Ông Lâm Bảo L, sinh năm 1993; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Chỗ ở hiện nay: Cụm F, thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

9/ Bà Trần Thị Thảo N1, sinh năm 1995; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Tổ dân phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Chỗ ở hiện nay: Cụm F, thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Văng mặt).

(Bà Trần Thị Thảo N1 ủy quyền cho ông Lâm Bảo L tham gia tố tụng tại Tòa án, theo Giấy ủy quyền ngày 22/6/2023)

- Người làm chứng:

1/ Ông Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1954. Địa chỉ: Cụm F, thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Văng mặt).

2/ Ông Nguyễn Kim Q, sinh năm 1962. Địa chỉ: Số F Đoàn T, Tổ C H, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (Văng mặt).

-Người kháng cáo: Bà Lâm Thị H, bà Lâm Thị Bé U, bà Lâm Thị Bé E, ông Lâm Út N, bà Lâm Thị Tường V, bà Lâm Thị Trúc V1

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn bà Lâm Thị Bé U là ông Tô Tiến D trình bày có nội dung như sau:**

Cụ Lâm Văn U1 (Tên gọi khác là Lâm G): Sinh năm 1918, mất ngày 03 tháng 7 năm 2000. Cụ Lê Thị N2, sinh năm 1920, mất ngày 17/8/1992.

Sinh thời, cụ Lâm Văn U1 và cụ Lê Thị N2 chung sống với nhau, sinh được 06 người con chung gồm: Ông Lâm Văn B, tên gọi khác: N3, sinh năm 1949; Bà Lâm Thị Bé E, sinh năm 1949; Bà Lâm Thị H, sinh năm 1957; Bà Lâm Thị Bé U, sinh năm 1960; Ông Lâm Út T1, sinh năm 1963; Ông Lâm Út N, sinh năm 1966.

Ngày 04/9/1994, cụ Lâm Văn U1 có thảo bản di chúc và đã giao cho ông Lâm Út N quản lý. Khi chết, cụ Lê Thị N2 không để lại di chúc.

Bà Lâm Thị Bé U xác định bố mẹ của cụ Lâm Văn U1 và cụ Lê Thị N2 hiện nay đều mất. Hàng thừa kế thứ nhất theo quy định pháp luật của cụ Lâm Văn U1 và cụ Lê Thị N2 gồm 06 người con đã trình bày ở trên, còn bố mẹ của cụ U1 và cụ N2 đều đã chết trước cụ U1 và cụ N2. Bà Lâm Thị Bé U không thừa nhận ông Lâm Văn B1 (Lớn) là con của cụ Lâm Văn U1

Nguyên đơn bà Lâm Thị Bé U xác định tài sản chung của cụ Lâm Văn U1 và cụ Lê Thị N2 tạo lập được là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 56, tờ bản đồ số 13, diện tích 30.840 m², mục đích sử dụng: Cà phê theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 06/03/1995 đứng tên Hộ Lâm Văn U1. Đây là di sản thừa kế do cụ U1, cụ N2 để lại chưa chia.

Nguyên đơn bà Lâm Thị Bé U yêu cầu Tòa án giải quyết hai vấn đề sau:

1/ Chia thừa kế đối với tài sản là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 56, tờ bản đồ số 13, diện tích 30.840 m², mục đích sử dụng: Cà phê theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 06/03/1995 đứng tên Hộ Lâm Văn U1. Địa chỉ cũ: Xã H, Thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Nay là Phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Hiện nay ông Lâm Út T1 đang quản lý đối với phần di sản này.

Căn cứ cho yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn bà Lâm Thị Bé U căn cứ theo Di chúc ngày 04/9/1994 do cụ Lâm Văn U1 để lại. Cụ thể: Chia phần tài sản trên làm bốn phần: Chia cho bà H 10 hàng cà phê; Bà Bé U 10 hàng cà phê; ông Út N 07 hàng cà phê và mặt phía trước trái đường; Ông T1 phần còn lại.

Nguyên đơn bà Lâm Thị Bé U đề nghị được chia bằng hiện vật theo sơ đồ phân chia do cụ Lâm Văn U1 vẽ trong Di chúc nói trên.

Phía Nguyên đơn thấy văn bản do ông Lâm Út T1 giao nộp cho Tòa án có thể hiện ghi chép của cụ Lâm Văn U1: Đây là văn bản không đề ngày, tháng, năm nên không được xem là di chúc mà chỉ là văn bản tạm giao cho ông Lâm Út T1 quản lý đất này.

2/ Yêu cầu chia lợi tức, hoa lợi phát sinh chưa chia từ tài sản thừa kế tại thửa đất số 56, tờ bản đồ số 13, diện tích 30.840m², mục đích sử dụng: Cà phê. Mà ông Lâm Út T1 đã thu hoạch chưa chia cho các đồng thừa kế từ năm 2002 đến nay là 20 năm. Tổng hoa lợi là 4 tấn/ha/năm x 03ha x 20năm x 40.000.000đ/tấn = 1.644.800.000 đ (*Một tỷ sáu trăm bốn mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng*). Đề nghị chia đều cho 04 người là Lâm Thị H, Lâm Thị Bé U, Lâm Út N, Lâm Út T1.

Cơ sở cho yêu cầu nói trên: Dựa trên di nguyện của cụ Lâm Văn U1 để lại trước khi chết: Di nguyện này thì chỉ căn cứ vào thông tin miệng, không có văn bản. Sau này, khi phía Nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án, căn cứ vào bút tích của cụ Lâm Văn U1 để lại do ông Lâm Út T1 giao nộp cho Tòa án càng thể hiện rõ nội dung này.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn bà Lâm Thị Bé U đề nghị Tòa án chia thừa kế theo phương án thứ 3 theo kết quả đo vẽ của Tòa án. Theo đó, chia cho ông Lâm Út T1 9.647,4 m²; Chia cho ông Lâm Văn B (Nhỏ), bà Lâm Thị Bé E mỗi người được 1.894,1 m²; Chia cho bà Lâm Thị H, bà Lâm Thị Bé U, ông Lâm Út N mỗi người được khoảng 5.622 m² là phù hợp với quy hoạch và quy định về tách thửa. Đối với tài sản trên đất phần của ai là của người đó, không phải thanh toán lại giá trị tài sản trên đất. Nếu thỏa thuận được về tài sản trên đất thì Nguyên đơn bà Lâm Thị Bé U sẽ rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần hoa lợi thu được.

Đối với yêu cầu chia hoa lợi trên đất: Sau khi tính toán lại thì Nguyên đơn bà Lâm Thị Bé U yêu cầu Tòa án chia hoa lợi mà ông Lâm Út T1 đã thu hoạch chưa chia cho các đồng thừa kế từ năm 2002 đến nay là 20 năm với sản lượng là 2 tấn/ha.

*** Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp bà Lâm Thị H là bà Lê Thị Kim D2 trình bày có nội dung như sau:**

Cụ Lâm Văn U1 (Tên gọi khác là Lâm G): Sinh năm 1918, mất ngày 03 tháng 7 năm 2000. Cụ Lê Thị N2, sinh năm 1920, mất ngày 17/8/1992.

Sinh thời, cụ Lâm Văn U1 và cụ Lê Thị N2 chung sống với nhau, sinh được 06 người con chung gồm: Ông Lâm Văn B, tên gọi khác: N3, sinh năm 1949; Bà

Lâm Thị Bé E, sinh năm 1949; Bà Lâm Thị H, sinh năm 1957; Bà Lâm Thị Bé U, sinh năm 1960; Ông Lâm Út T1, sinh năm 1963; Ông Lâm Út N, sinh năm 1966.

Ngày 04/9/1994, cụ Lâm Văn U1 có thảo bản di chúc và đã giao cho ông Lâm Út N. Cụ Lê Thị N2 khi chết không để lại di chúc.

Phía Nguyên đơn bà Lâm Thị H xác định bố mẹ của cụ Lâm Văn U' và cụ Lê Thị N2 hiện nay đều mất. Hàng thừa kế thứ nhất theo quy định pháp luật của cụ Lâm Văn U1 và cụ Lê Thị N2 gồm 06 người con đã trình bày ở trên. Nguyên đơn bà Lâm Thị H không thừa nhận ông Lâm Văn B1 (Lớn) là con của cụ Lâm Văn U1.

Nguyên đơn bà Lâm Thị H xác định tài sản chung của cụ Lâm Văn U1 và cụ Lê Thị N2 tạo lập được là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 56, tờ bản đồ số 13, diện tích 30.840 m², mục đích sử dụng: Cà phê theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 06/03/1995 đứng tên Hộ Lâm Văn U1. Đây là di sản thừa kế do cụ U1, cụ N2 để lại chưa chia.

Nay, Nguyên đơn bà Lâm Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết hai vấn đề sau:

1/ Chia thừa kế đối với tài sản là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 56, tờ bản đồ số 13, diện tích 30.840 m², mục đích sử dụng: Cà phê theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 06/03/1995 đứng tên Hộ Lâm Văn U1. Địa chỉ cũ: Xã H, Thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Nay là phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Hiện nay ông Lâm Út T1 đang quản lý đối với phần di sản này.

Căn cứ cho yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn bà Lâm Thị H căn cứ theo Di chúc ngày 04/9/1994 do cụ Lâm Văn U1 để lại. Cụ thể: Chia phần tài sản trên làm bốn phần: Chia cho bà H 10 hàng cà phê; Bà Bé U 10 hàng cà phê; Ông Út N 07 hàng cà phê và mặt phía trước trái đường; Ông T1 phần còn lại.

Nguyên đơn bà Lâm Thị H đề nghị được chia bằng hiện vật theo sơ đồ phân chia do cụ Lâm Văn U1 vẽ trong Di chúc nói trên.

Phía Nguyên đơn thấy văn bản do ông Lâm Út T1 giao nộp cho Tòa án có thể hiện ghi chép của cụ Lâm Văn U1: Đây là văn bản không đề ngày, tháng, năm nên không được xem là di chúc mà chỉ là văn bản tạm giao cho ông Lâm Út T1 quản lý đất này.

2/ Yêu cầu chia lợi tức, hoa lợi phát sinh chưa chia từ tài sản thừa kế tại thửa đất số 56, tờ bản đồ số 13, diện tích 30.840 m², mục đích sử dụng: Cà phê mà ông Lâm Út T1 đã thu hoạch chưa chia cho các đồng thừa kế từ năm 2002 đến nay là 20 năm. Tổng hoa lợi là 4 tấn/ha/năm x 03ha x 20năm x 40.000.000đ/tấn = 1.644.800.000 đ (Một tỷ sáu trăm bốn mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng). Đề nghị chia đều cho 04 người là Lâm Thị H, Lâm Thị Bé U, Lâm Út N, Lâm Út T1.

Cơ sở cho yêu cầu nói trên: Dựa trên di nguyện của cụ Lâm Văn U1 để lại trước khi chết: Di nguyện này thì chỉ căn cứ vào thông tin miệng, không có văn bản. Sau này, khi phía Nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án, căn cứ vào bút tích của

cụ Lâm Văn U1 để lại do ông Lâm Út T1 giao nộp cho Tòa án càng thể hiện rõ nội dung này.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn bà Lâm Thị H không chấp nhận theo các phương án chia của tòa án đưa ra mà đề nghị Tòa án chia thừa kế như sau:

1/ Ông Lâm Văn B (Nhỏ): $1/14$ phần $\times 30.840 \text{ m}^2 = 2.202,857 \text{ m}^2$

2/ Bà Lâm Thị Bé E: $1/14$ phần $\times 30.840 \text{ m}^2 = 2.202,857 \text{ m}^2$

3./ Bà Lâm Thị H: $1/14 + 2/14 = 3/14$ phần $\times 30.840 \text{ m}^2 = 6.608,571 \text{ m}^2$

4/ Bà Lâm Thị Bé Ú: $1/14 + 2/14 = 3/14$ phần $\times 30.840 \text{ m}^2 = 6.608,571 \text{ m}^2$

5/ Ông Lâm Út T1: $1/14 + 2/14 = 3/14$ phần $\times 30.840 \text{ m}^2 = 6.606,571 \text{ m}^2$

6/ Ông Lâm Út N: $1/14 + 2/14 = 3/14$ phần $\times 30.840 \text{ m}^2 = 6.606,571 \text{ m}^2$

Về phần hoa lợi, lợi tức trên đất mà ông Lâm Út T1 đã thu hoạch, từ năm 2002 đến nay chưa chia là 20 năm thì bà Lâm Thị H yêu cầu chia cho các đồng thừa kế như sau: Hoa lợi, lợi tức = $4 \text{ tấn/ha} \times 3,084 \text{ ha} \times 40.000.000 \text{ đồng/tấn} \times 20 \text{ năm} = 9.868.800.000 \text{ đồng}$. Đề nghị chia theo tỷ lệ hoa lợi tương ứng với tỷ lệ hiện vật (di sản) mà các đồng thừa kế nhận.

Đối với phần công sức quản lý, tôn tạo, cải tạo đất: Yêu cầu không ghi nhận, vì các chị em của ông Lâm Út T1 đều quản lý đất.

Đối với văn bản do ông Lâm Út T1 giao nộp cho Tòa án: Bà Lâm Thị H không đồng ý văn bản mà ông Lâm Út T1 cung cấp và không công nhận văn bản này là di chúc.

**** Tại bản tự khai, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa bị đơn ông Lâm Út T1 trình bày:***

Cụ Lâm Văn U1 (Tên gọi khác là Lâm G): Sinh năm 1918, mất ngày 03 tháng 7 năm 2000. Cụ Lê Thị N2, sinh năm 1920, mất ngày 17/8/1992.

Sinh thời, cụ Lâm Văn U1 và cụ Lê Thị N2 chung sống với nhau, sinh được 06 người con chung gồm: Ông Lâm Văn B, tên gọi khác: N3, sinh năm 1949; Bà Lâm Thị Bé E, sinh năm 1949; Bà Lâm Thị H, sinh năm 1957; Bà Lâm Thị Bé U, sinh năm 1960; Ông Lâm Út T1, sinh năm 1963; Ông Lâm Út N, sinh năm 1966.

Ngoài ra, cụ Lâm Văn U1 còn có một người con nữa tên là Lâm Văn B1 (Lớn), sinh năm 1948, mất ngày 10/10/2013. Ông Lâm Văn B1 (Lớn) là con riêng của cụ Lâm Văn U1 và cụ Trịnh Thị B2. Theo ông Lâm Út T1 được biết là cụ Lâm Văn U1 và cụ Trịnh Thị B2 không chung sống với nhau nhưng có với nhau 01 người con nói trên là Lâm Văn B1 (Lớn).

Hàng thừa kế thứ nhất theo quy định pháp luật của cụ Lê Thị N2 gồm có 07 người gồm: Ông Lâm Văn B, tên gọi khác: N3, sinh năm 1949; Bà Lâm Thị Bé E, sinh năm 1949; Bà Lâm Thị H, sinh năm 1957; Bà Lâm Thị Bé U, sinh năm 1960; Ông Lâm Út T1, sinh năm 1963; Ông Lâm Út N, sinh năm 1966; Cụ Lâm Văn U1, sinh năm 1918.

Hàng thừa kế thứ nhất theo quy định pháp luật của cụ Lâm Văn U1 gồm có

07 người gồm: Ông Lâm Văn B1 (Lớn), sinh năm 1948; Ông Lâm Văn B, tên gọi khác: N3, sinh năm 1949; Bà Lâm Thị Bé E, sinh năm 1949; Bà Lâm Thị H, sinh năm 1957; Bà Lâm Thị Bé U, sinh năm 1960; Ông Lâm Út T1, sinh năm 1963; Ông Lâm Út N, sinh năm 1966.

Ông Lâm Út T1 không biết di chúc do Nguyên đơn nộp cho Tòa án. Vào năm 2000, khi cụ Lâm Văn U1 đang ở với ông Lâm Út T1 và có đưa di chúc cho ông Lâm Út T1 và hàng xóm của ông T1 là ông Nguyễn Ngọc Đ, ông Nguyễn Kim Q có biết về di chúc này. Còn cụ Lê Thị N2 khi chết không để lại di chúc.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, ông Lâm Út T1 có ý kiến như sau:

1/ Đối với yêu cầu chia thừa kế đối với Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 56, tờ bản đồ số 13, diện tích 30.840m², mục đích sử dụng: Cà phê theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 06/03/1995 đứng tên Hộ Lâm Văn U1:

Khi còn sống, cụ Lâm Văn U1 có mua đất tổng cộng là 08 ha cho bà Bé E, bà Bé U, bà H thì những người này đã bán; cụ Lâm Văn U1 có chia cho ông Lâm Văn B (Nhỏ) diện tích đất là 7.780 m².

Vì vậy, ông Lâm Út T1 không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn vì khi còn sống thì cụ Lâm Văn U1 đã chia đất hết rồi.

Ngoài ra, ông Lâm Út T1 yêu cầu Tòa án xác định công sức đóng góp của ông T1 là 01 kỷ phần thừa kế theo quy định pháp luật.

2/ Đối với yêu cầu chia lợi tức, hoa lợi phát sinh chưa chia từ tài sản thừa kế tại thửa đất số 56, tờ bản đồ số 13, diện tích 30.840 m², mục đích sử dụng: Cà phê. Mà ông Lâm Út T1 đã thu hoạch chưa chia cho các đồng thừa kế từ năm 2002 đến nay là 20 năm. Tổng hoa lợi là 4 tấn/ha/năm x 3,084 ha x 20 năm x 40.000.000 đ/tấn = 9.868.800.000 đồng. Yêu cầu chia đều cho 04 người là Lâm Thị H, Lâm Thị Bé U, Lâm Út N, Lâm Út T1: Mỗi người được hưởng 2.467.200.000 đồng.

Ông Lâm Út T1 có ý kiến trình bày như sau: Khi cụ Lâm Văn U1 chết thì cà phê đã già. Nếu tính trung bình sản lượng cà phê hàng năm khoảng trên dưới 3 tấn/3,084 ha/ năm. Chi phí này chưa trừ phần công chăm sóc, tiền phân bón. Nếu trừ các chi phí này, có năm thì ông Lâm Út T1 bị lỗ.

Vì vậy, ông Lâm Út T1 không đồng ý đối với yêu cầu chia hoa lợi, lợi tức của phía Nguyên đơn.

Tại phiên tòa, ông Lâm Út T1 xác định đối với di sản thừa kế do cụ Lê Thị N2 để lại thì ông T1 chấp nhận chia thừa kế theo quy định pháp luật; Đối với di sản thừa kế do cụ Lâm Văn U1 để lại, dựa trên cơ sở ý nguyện của cụ Lâm Văn U1 là để lại tài sản này cho ông T1 nên ông T1 không đồng ý chia theo yêu cầu của Nguyên đơn.

Ông Lâm Út T1 đề nghị Tòa án chia thừa kế theo phương án thứ 02 theo Kết quả đo vẽ của Tòa án. Đề nghị được thanh toán lại giá trị tài sản trên đất do ông Lâm Út T1 và bà Nguyễn Thị D3 tạo lập.

Nếu Tòa án giải quyết vụ án theo phương án thứ 02 theo kết quả đo vẽ thì ông Lâm Út T1 có nguyện vọng đồng ý trích từ phần tài sản mà ông T1 được nhận để tặng cho bà Lâm Thị Bé E giá trị 657.000.000 đồng (tương đương giá trị của 1.000 m² đất); tặng cho cháu của ông T1 là Lâm Thị Tường V và Lâm Thị Trúc V1, mỗi người 100.000.000 đồng.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Văn B (Nhỏ) trình bày:**

Cụ Lâm Văn U1 (Tên gọi khác là Lâm G): Sinh năm 1918, mất ngày 03 tháng 7 năm 2000. Cụ Lê Thị N2, sinh năm 1920, mất ngày 17/8/1992.

Sinh thời, cụ Lâm Văn U1 và cụ Lê Thị N2 chung sống với nhau, sinh được 06 người con chung gồm: Ông Lâm Văn B, tên gọi khác: N3, sinh năm 1949; Bà Lâm Thị Bé E, sinh năm 1949; Bà Lâm Thị H, sinh năm 1957; Bà Lâm Thị Bé U, sinh năm 1960; Ông Lâm Út T1, sinh năm 1963; Ông Lâm Út N, sinh năm 1966.

Ngoài ra, cụ N2 và cụ U1 không có con ruột hay con nuôi nào khác.

Trong quá trình chung sống, cụ U1 và cụ N2 có tạo lập khối tài sản chung là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 56, tờ bản đồ số 13, diện tích 30.840m², mục đích sử dụng: Cà phê được UBND thị xã B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 06/03/1995 đứng tên Hộ Lâm Văn U1.

Ông Lâm Văn B (N3) là người được bố mẹ cho một phần đất tại thửa đất số 56a, tờ bản đồ số 13, diện tích 7.780 m² từ năm 1975 đến nay. Đối với phần đất tại thửa đất số 56, tờ bản đồ số 13, diện tích 30.840 m² là tài sản của bố mẹ là cụ Lâm Văn U1, cụ Lê Thị N2 và ông Lâm Út T1 ở trên đất từ năm 1988. Đến năm 1995 thì cụ Lâm Văn U1 giao lại phần đất này cho ông Lâm Út T1 quản lý cho đến nay.

Đối với các cây trồng trên đất được trồng sau năm 1995 thì ông Lâm Út T1 là người trồng. Đối với các cây trồng do cụ Lâm Văn U1 và cụ Lê Thị N2 trồng trên đất thì hiện nay đã già cỗi, không cho thu hoạch nên ông Lâm Út T1 đã phá bỏ hết. Ông Lâm Út T1 quản lý tài sản nói trên từ năm 1995 đến nay. Ngoài ra, không có ai đến quản lý đất.

Nay, Nguyên đơn bà Lâm Thị H, bà Lâm Thị Bé U yêu cầu Tòa án giải quyết hai vấn đề sau:

1/ Chia thừa kế đối với tài sản là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 56, tờ bản đồ số 13, diện tích 30.840 m², mục đích sử dụng: Cà phê theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 06/03/1995 đứng tên Hộ Lâm Văn U1. Địa chỉ cũ: Xã H, Thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Nay là Phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Ông Lâm Văn B (Nhỏ) có ý kiến như sau:

- Đối với di sản của cụ Lê Thị N2, đề nghị chia theo pháp luật: Cụ Lê Thị N2 chết năm 1992 không để lại di chúc. Theo đó, ½ phần di sản của cụ N2 sẽ chia cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ N2 gồm: Cụ Lâm Văn U1(Chồng) và các con của cụ Lê Thị N2 là ông Lâm Văn B (Nhỏ); bà Lâm Thị

Bé E, bà Lâm Thị H; bà Lâm Thị Bé U; ông Lâm Út T1; ông Lâm Út N: Mỗi người được hưởng một kỷ phần thừa kế bằng nhau trong phần di sản do cụ N2 để lại. Tức mỗi người được hưởng 1/14 trong khối tài sản chung của cụ N2, cụ U1. Ông Lâm Văn B (Nhỏ) đề nghị được hưởng 1/14 là bằng 2.202,875 m². Ông Lâm Văn B (Nhỏ) đề nghị được chia bằng hiện vật, không yêu cầu vị trí.

- Đối với phần di sản của cụ Lâm Văn U1, ông Lâm Văn B (Nhỏ) đề nghị chia theo di chúc. Phần di sản thừa kế của cụ Lâm Văn U1 gồm 7/14 phần + 1/14 phần (được hưởng từ cụ N2) = 8/14 phần. Cụ Lâm Văn U1 chết năm 2000 có để lại bản di chúc ngày 04/9/1994.

Theo di chúc do Nguyên đơn cung cấp, phần di sản thừa kế được chia cho bốn người gồm: Bà Lâm Thị H, bà Lâm Thị Bé U, ông Lâm Út T1, ông Lâm Út N. Tuy nhiên, do di chúc phân chia không rõ ràng nên đề nghị chia đều cho 04 người nói trên. Mỗi người được hưởng 2/14 phần.

2/ Yêu cầu chia lợi tức, hoa lợi phát sinh chưa chia từ tài sản thừa kế tại thửa đất số 56, tờ bản đồ số 13, diện tích 30.840 m², mục đích sử dụng: Cà phê mà ông Lâm Út T1 đã thu hoạch chưa chia cho các đồng thừa kế từ năm 2002 đến nay là 20 năm. Nguyên đơn bà Lâm Thị H yêu cầu chia theo tỷ lệ phần đất mà từng người được nhận. Về sản lượng chia: 4 tấn/ha/năm x 3,084ha x 20năm x 40.000.000đ/tấn = 9.868.800.000 đồng. Nguyên đơn bà Lâm Thị Bé Ú yêu cầu chia theo sản lượng 2 tấn/ha/năm x 3,084ha x 20 năm x 40.000.000 đồng/tấn.

Đối với yêu cầu chia hoa lợi, lợi tức: Ông Lâm Văn B (Nhỏ) cho rằng Nguyên đơn yêu cầu như vậy là quá cao. Vì sau khi bỏ công chăm sóc, phân bón thì phần còn dư ra chỉ đủ trang trải cuộc sống. Thực tế, có năm còn mất mùa, hơn nữa các cây trồng do cụ Lâm Văn U1, cụ Lê Thị N2 trồng trên đất đã già cỗi không cho hoa lợi. Năm 1997 thì ông Lâm Út T1 đã tiến hành cải tạo đất, trồng lại cây trồng mới trên đất. Ông Lâm Văn B (Nhỏ) không yêu cầu được chia hoa lợi phát sinh trên đất.

*** Đại diện theo ủy quyền của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị Bé E là ông Lê Triệu K trình bày:**

Cụ Lâm Văn U1 (Tên gọi khác là Lâm G): Sinh năm 1918, mất ngày 03 tháng 7 năm 2000. Cụ Lê Thị N2, sinh năm 1920, mất ngày 17/8/1992.

Sinh thời, cụ Lâm Văn U1 và cụ Lê Thị N2 chung sống với nhau, sinh được 06 người con chung gồm: Ông Lâm Văn B, tên gọi khác: N3, sinh năm 1949; Bà Lâm Thị Bé E, sinh năm 1949; Bà Lâm Thị H, sinh năm 1957; Bà Lâm Thị Bé U, sinh năm 1960; Ông Lâm Út T1, sinh năm 1963; Ông Lâm Út N, sinh năm 1966.

Bà Lâm Thị Bé E xác định bố mẹ của cụ Lâm Văn U1 và cụ Lê Thị N2 hiện nay đều mất. Hàng thừa kế thứ nhất theo quy định pháp luật của cụ Lâm Văn U1 và cụ Lê Thị N2 gồm 06 người con đã trình bày ở trên.

Đối với tài sản là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 56, tờ bản đồ số 13, diện tích 30.840 m², mục đích sử dụng: Cà phê theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất cấp ngày 06/03/1995 đứng tên Hộ Lâm Văn U1. Địa chỉ cũ: Xã H, Thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Nay là xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là tài sản chung của cụ Lâm Văn U1 và cụ Lê Thị N2.

Hiện nay ông Lâm Út T1 đang quản lý đối với phần di sản này.

Bà Lâm Thị Bé E không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và đề nghị chia thừa kế theo quy định pháp luật.

Bà Lâm Thị Bé E đề nghị được chia 3.000 m² đất bằng hiện vật và không yêu cầu về vị trí được chia.

Còn về phần di chúc thì bà Lâm Thị Bé E không có ý kiến gì.

2/ Yêu cầu chia lợi tức, hoa lợi phát sinh chưa chia từ tài sản thừa kế tại thửa đất số 56, tờ bản đồ số 13, diện tích 30.840 m², mục đích sử dụng: Cà phê mà ông Lâm Út T1 đã thu hoạch chưa chia cho các đồng thừa kế từ năm 2002 đến nay là 20 năm. Nguyên đơn bà Lâm Thị H yêu cầu chia theo tỷ lệ phần đất mà từng người được nhận. Về sản lượng chia: 4 tấn/ha/năm x 3,084ha x 20năm x 40.000.000đ/tấn = 9.868.800.000đ. Nguyên đơn bà Lâm Thị Bé Ú yêu cầu chia theo sản lượng 2 tấn/ha/năm x 3,084 ha x 20 năm x 40.000.000 đồng/tấn.

Bà Lâm Thị Bé E không yêu cầu chia phần hoa lợi, lợi tức.

Tại phiên tòa, ông Lê Triệu k không đồng ý theo ý kiến của ông Lâm Út T1.

*** Đại diện theo ủy quyền của ông Lâm Út N là ông Lê Văn D1 thống nhất với trình bày của Nguyên đơn bà Lâm Thị H và yêu cầu phân chia theo ý kiến của nguyên đơn bà Lâm Thị H:**

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị S trình bày:**

Bố chồng của bà S là cụ Lâm Văn U1, tự là Lâm G (Sinh năm 1918, mất năm 2000); Mẹ chồng của bà S là cụ Trịnh Thị B2 (Sinh năm 1926, mất ngày 17/8/2013). Chồng của bà S tên là Lâm Văn B1, tên gọi khác là Bé Lớn, sinh năm 1948, mất ngày 10/10/2013.

Cụ Lâm Văn U1 mất có để lại di chúc hay không thì bà S không biết. Nhưng bà S biết cụ Lâm Văn U1 và cụ Lê Thị N2 có tài sản tại tỉnh Đắk Lắk, cụ thể như sau: 01 Lô đất tại thửa đất số 56, tờ bản đồ số 13, diện tích 30.840 m², đứng tên hộ Lâm Văn U1 tại xã H, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0485814 cấp ngày 06/3/1995. Hiện nay ông Lâm Út T1 đang quản lý sử dụng lô đất nói trên từ năm 1989 đến nay. Hiện nay cụ Lâm Văn U1 và bà Lê Thị N2 không còn tài sản nào khác. Và bà Lâm Thị H, Lâm Thị Bé U khởi kiện yêu cầu Tòa án chia thừa kế đối với tài sản nói trên. Bà S có ý kiến như sau: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật đảm bảo quyền lợi của bà S. Cụ thể: Đề nghị chia di sản của cụ Lâm Văn U1 để lại. Đối với tài sản của cụ Lê Thị N2 để lại thì bà S không yêu cầu chia, vì ông Lâm Văn B1 (Lớn) là con của cụ Trịnh Thị B2, không phải là con của cụ Lê Thị N2. Nay ông Lâm Văn B1 (Lớn) đã mất nên bà S yêu cầu Tòa án giải quyết đối với phần mà ông Lâm Văn B1 (Lớn) được hưởng cho 02 người con của ông Lâm Văn B1 (Lớn) là Lâm Thị Tường V và Lâm Thị Trúc V1.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị Tường V, Lâm Thị Trúc V1 trình bày:**

Bố của bà Lâm Thị Tường V và Lâm Thị Trúc V1 là ông Lâm Văn B1, tên gọi khác là Lớn. Ông Lâm Văn B1 (Lớn) sinh năm 1948, mất ngày 10/10/2013.

Ông Lâm Văn B1 (Lớn) là con ruột của cụ Lâm Văn U1 và cụ Trịnh Thị B2.

Vì vậy, hiện nay ông Lâm Văn B1 (Lớn) đã chết, bà Lâm Thị Tường V và bà Lâm Thị Trúc V1 xin được hưởng mỗi người $\frac{1}{2}$ phần di sản thừa kế mà ông Lâm Văn B1 (Lớn) được hưởng. Bà Lâm Thị Tường V và bà Lâm Thị Trúc V1 xin được hưởng phần di sản thừa kế là 1.000m² đất/1 người và nhận tiền hay nhận đất đều được.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

1./ Nguyên đơn Bà Lâm Thị H và bà Lâm Thị B1 Ut khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế đối với Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 56, tờ bản đồ số 13, diện tích 30.840 m², mục đích sử dụng: Cà phê theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 06/03/1995 đứng tên Hộ Lâm Văn U1.

Bà Lâm Thị Tường V và bà Lâm Thị Trúc V1 không đồng ý chia theo di chúc năm 1994 mà phía nguyên đơn cung cấp cho Tòa án mà đề nghị chia thừa kế theo pháp luật.

2./ Đối với yêu cầu chia lợi tức, hoa lợi phát sinh chưa chia từ tài sản thừa kế tại thửa đất số 56, tờ bản đồ số 13, diện tích 30.840 m², mục đích sử dụng: Cà phê. Mà ông Lâm Út T1 đã thu hoạch chưa chia cho các đồng thừa kế từ năm 2002 đến nay là 20 năm. Tổng hoa lợi là 4 tấn/ha/năm x 3,084ha x 20năm x 40.000.000đ/tấn = 9.868.800.000đ. Yêu cầu chia đều cho 04 người là Lâm Thị H, Lâm Thị Bé U, Lâm Út N, Lâm Út T1: Mỗi người được hưởng 2.467.200.000đ.

Bà Lâm Thị Tường V và bà Lâm Thị Trúc V1 không muốn chia hoa lợi trên tài sản chưa chia nói trên. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D3 trình bày:**

Bà Nguyễn Thị D3 và ông Lâm Út T1 kết hôn và chung sống với nhau từ năm 1988.

Bà thống nhất với phần trình bày của ông Lâm Út T1 và không có ý kiến bổ sung gì thêm.

Tại phiên tòa thì bà D3 đề nghị Tòa án xác định công sức đóng góp cho ông Lâm Út T1, bà D3 không yêu cầu công sức đóng góp của mình.

Còn đối với di chúc đề ngày 04/9/1994: Theo bà D3: Di chúc lập năm 1994 còn đất đến năm 1995 mới được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa, bà D3 đề nghị thanh toán lại giá trị cây trồng trên đất cho vợ chồng bà D3, ông T1.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Bảo L trình bày:**

Ông Lâm thống nhất với phần trình bày của Bị đơn ông Lâm Út T1 và

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D3.

Ông L là con của ông Lâm Út T1 và bà Nguyễn Thị D3. Ông L là người hiện đang sinh sống trên lô đất tại thửa đất số 56, tờ bản đồ số 13, diện tích 30.840 m², mục đích sử dụng: Cà phê theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 06/03/1995 đứng tên Hộ Lâm Văn U1.

Ông L cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì về công sức đóng góp.

*** Đại diện theo ủy quyền Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thảo N1, ông Lâm Bảo L trình bày:**

Bà Trần Thị Thảo N1 là vợ của ông L. Hiện nay bà N1 đang sống trên lô đất tại thửa đất số 56, tờ bản đồ số 13, diện tích 30.840 m², mục đích sử dụng: Cà phê theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 06/03/1995 đứng tên Hộ Lâm Văn U1.

Bà N1 cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì về công sức đóng góp.

*** Người làm chứng ông Nguyễn Ngọc Đ trình bày:** Ông Đ sinh sống tại thôn A, xã H từ năm 1968 đến nay. Ông Đ là hàng xóm của ông Lâm G (Tức Lâm Văn U1) và ông Lâm Út T1. Khi ông Đ đến sống tại xã H thì ông Lâm G đã sống ở đó rồi.

Vào năm 2000, khi ông Lâm G bị ốm thì ông có đi Thành phố Hồ Chí Minh chữa bệnh. Sau đó, ông G có trở về lại xã H. Khi ông G về thì ông Đ có qua thăm ông G (ông Đ không nhớ ngày nhưng vào khoảng tháng 6 năm 2000). Tại nhà ông G, khi ông Đ đến thăm tại nhà ông G thấy có đưa cho ông Lâm Út T1 một tờ giấy nhưng ông Đ không biết đó là giấy gì. Sau đó, thời gian ngắn thì ông G mất. Ngoài ra, ông Đ không chứng kiến bất kỳ điều gì.

*** Người làm chứng ông Nguyễn Kim Q trình bày:**

Từ năm 1975 đến năm 1990 ông Q sống tại địa chỉ: Thôn C, xã H, thị xã B (Sau này thuộc phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk). Ông Q trước kia là bạn của ông Lâm Văn B (Nhỏ). Đến khoảng năm 1989 thì ông Q mới biết ông Lâm Út T1.

Năm 1998 thời điểm ông Lâm G còn sống ông Q có tới chơi. Ông Lâm G có tâm sự là có làm di chúc cho ông Lâm Út T1. Ông G nói là giao hết đất cho ông Lâm Út T1. Ông G có nói với ông Q là những người con còn lại là ông G đã chia phần hết rồi. Ông Q xác định ông G làm di chúc giao đất ông Lâm Út T1. Ngoài ra, ông Lâm G không nói gì đến di chúc nào khác. Sau thời điểm ông Q đi N thì ông Q có về lại thành phố B thăm rẫy cà phê. Đến năm 1999 thì ông Q có gặp lại ông G và ông G cũng nói để đất đó cho ông Lâm Út T1, còn những người con khác khác đã chia phần hết rồi.

Và ông G có đưa di chúc cho ông Q coi và nói làm di chúc này cho ông Lâm Út T1 để ông T1 có cơ sở sau này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 258/2023/DSST ngày 24 và ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã quyết định:

- Căn cứ vào Điều 4, Điều 5, khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 147, Điều 156, Điều 157, Điều 164, Điều 165, Điều 220, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 3, Điều 13, điểm a khoản 1 Điều 24 Pháp lệnh thừa kế số 44/LCT/HĐNN8 ngày 19/9/1990;

- Căn cứ Điều 636, Điều 652, Điều 655 và Điều 656 Bộ luật Dân sự năm 1995;

- Căn cứ vào Điều 609, Điều 610, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ **Án lệ số 05/2016/AL** được **Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao** thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị H, bà Lâm Thị Bé U.

1. Về hàng thừa kế theo pháp luật của cụ Lê Thị N2 gồm 07 người: cụ Lâm Văn U1 (Chồng); các con ruột của cụ Lê Thị N2: Ông Lâm Văn B (Nhỏ), bà Lâm Thị Bé E, bà Lâm Thị H, bà Lâm Thị Bé U, ông Lâm Út T1, ông Lâm Út N.

2. Về hàng thừa kế theo pháp luật của cụ Lâm Văn U1 gồm 07 người: Ông Lâm Văn B (Lớn), ông Lâm Văn B (Nhỏ), bà Lâm Thị Bé E, bà Lâm Thị H, bà Lâm Thị Bé U, ông Lâm Út T1, ông Lâm Út N. Ông Lâm Văn B1 (Lớn) (chết ngày 10/10/2013) sau thời điểm cụ Lâm Văn U1 chết nên phần thừa kế của ông Lâm Văn B1 (L) được chuyển tiếp cho hàng thừa kế thứ nhất của ông Lâm Văn B1 (Lớn) gồm 3 người: Bà Nguyễn Thị S (Vợ); các con ruột của ông Lâm Văn B1 (Lớn) là Lâm Thị Tường V và Lâm Thị Trúc V1.

3. Về di sản thừa kế của cụ Lâm Văn U1 và cụ Lê Thị N2: Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 56, tờ bản đồ số 13, diện tích 30.840 m² (nay là thửa đất số 24, tờ bản đồ số 07, diện tích 30.302,2m²), có giá trị 19.908.545.400 đồng.

Di sản của cụ N2: $\frac{1}{2} \times 30.302,2 \text{ m}^2 = 15.151,1 \text{ m}^2$. Như vậy, di sản của cụ N2 để lại được chia làm 08 phần: Ông Lâm Văn B (Nhỏ); Bà Lâm Thị Bé E; Bà Lâm Thị H; Bà Lâm Thị Bé U; Ông Lâm Út N; Cụ Lâm Văn U1 mỗi người được hưởng 1/8 di sản của cụ N2, mỗi người được chia: 1.893,888 m². Ông Lâm Út T1 được hưởng 2/8 di sản của cụ N2, tương đương diện tích đất 3.787,775m².

Di sản của cụ U: $(\frac{1}{2} \times 30.302,2 \text{ m}^2) + 1.893,888 \text{ m}^2$ (phần thừa kế mà cụ U1 được hưởng từ cụ N2) = 17.044,988 m². Toàn bộ phần di sản của cụ U1 được chia cho ông Lâm Út T1 theo di nguyện của cụ U1.

Như vậy, ông Lâm Văn B (Nhỏ); Bà Lâm Thị Bé E; Bà Lâm Thị H; Bà Lâm Thị Bé U; Ông Lâm Út N, mỗi người được chia diện tích đất là 1.893,888 m². Ông Lâm Út T1 được chia diện tích đất là 20.832,763 m².

4. Thửa đất số 56, tờ bản đồ số 13, diện tích 30.840 m² (nay là thửa đất số 24, tờ bản đồ số 07, diện tích 30.302,2m²), chia theo hiện vật cụ thể:

4.1. Ông Lâm Văn B (Nhỏ) được quyền quản lý, sở hữu:

01 lô đất có diện tích 1.894,1 m² đất trồng cây lâu năm có ký hiệu (6) theo Bản Hoàn công cấm mốc phương án II, ngày 30/8/2023, có tứ cận như sau:

Phía Đông: Giáp thửa đất số 56A, cạnh dài 39,67 m.

Phía Tây: Giáp thửa đất số 55, cạnh dài 39,73 m.

Phía Nam: Giáp thửa đất số 57, cạnh dài 47,11m.

Phía Bắc: Giáp thửa đất có ký hiệu (5), cạnh dài 48,42m.

Trị giá thửa đất: 1.244.423.700 đồng.

Tài sản gắn liền với đất:

19 cây cà phê trồng năm 1997, trị giá 3.401.000 đồng;

15 cây sầu riêng trồng năm 1997, trị giá 25.425.000 đồng;

08 cây sầu riêng trồng năm 2017, trị giá 36.240.000 đồng;

06 cây sầu riêng trồng năm 2020, trị giá 3.672.000 đồng;

8 Cây bơ trồng năm 2017, trị giá 23.912.000 đồng;

15 cây cau trồng năm 2018, trị giá 1.656.000 đồng;

03 cây chuối có buồng, trị giá 210.000 đồng;

06 cây mít trồng năm 2016, trị giá 8.706.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản gắn liền với đất là 103.222.000 đồng.

4.2. Bà Lâm Thị Bé E được quyền quản lý, sở hữu:

01 lô đất có diện tích 1.894,1 m² đất trồng cây lâu năm có ký hiệu (1) theo Bản Hoàn công cấm mốc phương án II, ngày 30/8/2023, có tứ cận như sau:

Phía Đông: Giáp thửa đất có ký hiệu (2), cạnh dài 41,41 m.

Phía Tây: Giáp thửa đất số 55, cạnh dài 3,70m + 37,76m.

Phía Nam: Giáp thửa đất có ký hiệu (5), cạnh dài 46,08m.

Phía Bắc: Giáp đường đi, cạnh dài 44,17 m.

Trị giá thửa đất: 1.244.423.700 đồng.

Tài sản gắn liền với đất:

17 cây cà phê trồng năm 1997, trị giá 3.043.000 đồng;

12 cây sầu riêng trồng năm 1997, trị giá 20.340.000 đồng;

10 cây sầu riêng trồng năm 2017, trị giá 45.300.000 đồng;

22 Cây bơ trồng năm 2017, trị giá 65.758.000 đồng;

05 cây cau trồng năm 2018, trị giá 552.000 đồng;

13 cây chuối có buồng, trị giá 910.000 đồng;

01 cây mít trồng năm 2016, trị giá 1.451.000 đồng
02 cây me trồng năm 2010, trị giá 1.045.400 đồng.
Tổng giá trị tài sản gắn liền với đất là 138.399.400 đồng.

4.3. Bà Lâm Thị H được quyền quản lý, sở hữu:

01 lô đất có diện tích 1.894,1 m² đất trồng cây lâu năm có ký hiệu (2) theo Bản Hoàn công cấm mốc phương án II, ngày 30/8/2023, có tứ cận như sau:

Phía Đông: Giáp thửa đất có ký hiệu (3), cạnh dài 42,17m.

Phía Tây: Giáp thửa đất có ký hiệu (1), cạnh dài 41,41m.

Phía Nam: Giáp thửa đất có ký hiệu (5), cạnh dài 45,47m.

Phía Bắc: Giáp đường đi, cạnh dài 39,67m + 5,80m.

Trị giá thửa đất: 1.244.423.700 đồng.

Tài sản gắn liền với đất:

04 cây sầu riêng trồng năm 1997, trị giá 6.780.000 đồng;

15 cây sầu riêng trồng năm 2017, trị giá 67.950.000 đồng;

06 cây sầu riêng trồng năm 2020, trị giá 3.672.000 đồng;

13 cây mít trồng năm 2016, trị giá 18.863.000 đồng;

101 cây cà phê trồng năm 1997, trị giá 18.079.000 đồng;

10 Cây bơ trồng năm 2017, trị giá 29.890.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản gắn liền với đất là 145.234.000 đồng.

4.4. Bà Lâm Thị Bé U được quyền quản lý, sở hữu:

01 lô đất có diện tích 1.893,9 m² đất trồng cây lâu năm có ký hiệu (3) theo Bản Hoàn công cấm mốc phương án II, ngày 30/8/2023, có tứ cận như sau:

Phía Đông: Giáp thửa đất có ký hiệu (4), cạnh dài 43,85m.

Phía Tây: Giáp thửa đất có ký hiệu (2), cạnh dài 42,17m.

Phía Nam: Giáp thửa đất có ký hiệu (5), cạnh dài 43,92m.

Phía Bắc: Giáp đường đi, cạnh dài 3,35m + 25,64m + 13,48m + 1,44m.

Trị giá thửa đất: 1.244.292.300 đồng.

Tài sản gắn liền với đất:

178 cây cà phê trồng năm 1997, trị giá 31.862.000 đồng;

22 cây sầu riêng trồng năm 1997, trị giá 37.290.000 đồng;

08 cây sầu riêng trồng năm 2017, trị giá 36.240.000 đồng;

06 cây sầu riêng trồng năm 2023, trị giá 2.118.000 đồng;

08 cây sầu riêng trồng năm 2020, trị giá 4.896.000 đồng;

09 cây mít trồng năm 2016, trị giá 13.059.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản gắn liền với đất là 125.465.000 đồng.

4.5. Ông Lâm Út N được quyền quản lý, sở hữu:

01 lô đất có diện tích 1.894,0 m² đất trồng cây lâu năm có ký hiệu (4) theo Bản Hoàn công cấm mốc phương án II, ngày 30/8/2023, có tứ cận như sau:

Phía Đông: Giáp đường đi, cạnh dài 4,23m + 40,79m.

Phía Tây: Giáp thửa đất có ký hiệu (3), cạnh dài 43,85m.

Phía Nam: Giáp thửa đất có ký hiệu (5), cạnh dài 42,70m.

Phía Bắc: Giáp thửa đường đi, cạnh dài 28,65m + 12,41m.

Trị giá thửa đất: 1.244.358.000 đồng.

Tài sản gắn liền với đất:

156 cây cà phê trồng năm 1997, trị giá 27.924.000 đồng;

23 cây sầu riêng trồng năm 1997, trị giá 38.985.000 đồng;

09 cây sầu riêng trồng năm 2017, trị giá 40.770.000 đồng;

10 cây sầu riêng trồng năm 2020, trị giá 6.120.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản gắn liền với đất là 113.779.000 đồng.

4.6. Ông Lâm Út T1 được quyền quản lý, sở hữu:

01 lô đất có diện tích 20.832,0 m² đất trồng cây lâu năm có ký hiệu (5) theo Bản Hoàn công cắm mốc phương án II, ngày 30/8/2023, có tứ cận như sau:

Phía Đông: Giáp đường đi, cạnh dài 110,76m; giáp thửa 56A, cạnh dài 24,26m.

Phía Tây: Giáp thửa đất số 55, cạnh dài 133,06m.

Phía Nam: Giáp thửa đất có ký hiệu (6), cạnh dài 48,42m; Giáp thửa 56A, cạnh dài 128,40m.

Phía Bắc: Giáp thửa đất có ký hiệu (1), cạnh dài 46,08m; Giáp thửa đất có ký hiệu (2), cạnh dài 45,47m; Giáp thửa đất có ký hiệu (3), cạnh dài 43,92m; Giáp thửa đất có ký hiệu (4), cạnh dài 42,70m.

Trị giá thửa đất: 13.686.624.000 đồng.

Tài sản gắn liền với đất:

1.160 cây cà phê trồng năm 1997, trị giá 207.640.000 đồng;

87 cây chuối có buồng, trị giá 6.090.000 đồng;

154 Cây bơ trồng năm 2017, trị giá 460.306.000 đồng

111 cây sầu riêng trồng năm 1997, trị giá 188.145.000 đồng;

117 cây sầu riêng trồng năm 2017, trị giá 566.250.000 đồng;

68 cây sầu riêng trồng năm 2020, trị giá 41.616.000 đồng;

07 cây sầu riêng trồng năm 2023, trị giá 2.471.000 đồng;

09 cây mít trồng năm 2016, trị giá 13.059.000 đồng;

04 cây cau trồng năm 2018, trị giá 441.600 đồng;

04 cây me trồng năm 2010, trị giá 2.090.800 đồng;

09 cây dừa trồng năm 2012, trị giá 7.939.800 đồng;

06 cây tre phát triển tốt, trị giá 7.200.000 đồng;

01 cây chôm chôm trồng năm 2008, trị giá 532.600 đồng;

01 cây sapoche trồng năm 2010, trị giá 871.100 đồng;

63 cây hồ tiêu trồng năm 2018, trị giá 16.317.000 đồng;

15 cây hồ tiêu trồng năm 2018, trị giá 3.882.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản gắn liền với đất là 1.524.851.900 đồng.

Ông Lâm Văn B (Nhỏ) có trách nhiệm thanh toán giá trị chênh lệch về đất được nhận cho ông Lâm Út T1 là $0,212 \text{ m}^2 \times 657.000 \text{ đồng/m}^2 = 139.284 \text{ đồng}$;

Bà Lâm Thị Bé E có trách nhiệm thanh toán giá trị chênh lệch về đất được nhận cho ông Lâm Út T1 là $0,212 \text{ m}^2 \times 657.000 \text{ đồng/m}^2 = 139.284 \text{ đồng}$;

Bà Lâm Thị H có trách nhiệm thanh toán giá trị chênh lệch về đất được nhận cho ông Lâm Út T1 là $0,212 \text{ m}^2 \times 657.000 \text{ đồng/m}^2 = 139.284 \text{ đồng}$;

Bà Lâm Thị Bé U có trách nhiệm thanh toán giá trị chênh lệch về đất được nhận cho ông Lâm Út T1 là $0,012 \text{ m}^2 \times 657.000 \text{ đồng/m}^2 = 7.884 \text{ đồng}$

Ông Lâm Út N có trách nhiệm thanh toán giá trị chênh lệch về đất được nhận cho ông Lâm Út T1 là $0,112 \text{ m}^2 \times 657.000 \text{ đồng/m}^2 = 73.584 \text{ đồng}$

5. Về tài sản do cụ Lê Thị N2 và cụ Lâm Văn U1 tạo lập trên đất, các đương sự xác định không còn giá trị, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án chia nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

6. Tài sản gắn liền với Quyền sử dụng đất mà ông Lâm Út T1, bà Nguyễn Thị D3 tạo lập:

Ông Lâm Văn B (Nhỏ) có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản trên đất cho ông Lâm Út T1, bà Nguyễn Thị D3 là 103.222.000 đồng;

Bà Lâm Thị Bé E có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản trên đất cho ông Lâm Út T1, bà Nguyễn Thị D3 là 138.399.400 đồng;

Bà Lâm Thị H có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản trên đất cho ông Lâm Út T1, bà Nguyễn Thị D3 là 145.234.000 đồng;

Bà Lâm Thị Bé U có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản trên đất cho ông Lâm Út T1, bà Nguyễn Thị D3 là 125.465.000 đồng;

Ông Lâm Út N có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản trên đất cho ông Lâm Út T1, bà Nguyễn Thị D3 là 113.779.000 đồng;

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất được chia nêu trên và thực hiện các nghĩa vụ khi làm thủ tục theo quy định của pháp luật.

7. Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn ông Lâm Út T1 về việc tặng cho bà Lâm Thị Bé E 657.000.000 đồng; tặng cho bà Lâm Thị Tường V 100.000.000 đồng; tặng cho bà Lâm Thị Trúc V1 100.000.000 đồng.

8. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu chia hoa lợi, lợi tức phát sinh chưa chia từ các đồng thừa kế tại thửa đất số 56 tờ bản đồ số 13, diện tích 30.480 m², tính từ năm 2002 đến nay là 20 năm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo, quyền thi hành án cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

-Trong các ngày 13/11/2023, ngày 14/11/2023 bà Lâm Thị H, bà Lâm Thị Bé U, ông Lâm Út N kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét:

Chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ Lê Thị N2 và chia thừa kế theo di chúc ngày 4/9/1994 phần di sản của cụ Lâm Văn U1.

Buộc ông Lâm Út T1 chia hoa lợi, lợi tức trên đất cho ông Lâm Văn B (Nhỏ), bà Lâm Thị H, bà Lâm Thị Bé E, Lâm Thị Bé U, Lâm Út N mỗi người được nhận tương ứng với phần diện tích đất được chia.

Không chấp nhận yêu cầu chia tương đương 01 kỷ phần thừa kế về công sức quản lý di sản cho ông Lâm Út T1.

Không chấp nhận ông Lâm Văn B1(Lớn) là con ông Lâm Văn U1.

- Ngày 16/11/2024 bà Lâm Thị Tường V, bà Lâm Thị Trúc V1 kháng cáo bản án với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế của cụ Lâm Văn U1.

-Ngày 09/11/2023 bà Lâm Thị Bé E kháng cáo bản án với nội dung:

Đề nghị chia di sản thừa kế của cụ Lê Thị N2 và cụ Lâm Văn U1 theo quy định của pháp luật.

Buộc ông Lâm Út T1 chia hoa lợi, lợi tức trên đất cho ông Lâm Văn B (Nhỏ), bà Lâm Thị H, bà Lâm Thị Bé E, bà Lâm Thị Bé U, ông Lâm Út N mỗi người được nhận tương ứng với phần diện tích đất được chia.

Không chấp nhận yêu cầu chia tương đương 01 kỷ phần thừa kế về công sức quản lý di sản cho ông Lâm Út T1.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là bà Lâm Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Út N: Luật sư Lê Thị Kim D2 trình bày:

-Về tố tụng:

Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng:

Tòa án cấp sơ thẩm đề ra kế hoạch xét xử theo định hướng cá nhân đã định sẵn mà không xem xét toàn diện yêu cầu của nguyên đơn.

Có sự vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, cấp sơ thẩm đưa hai người làm chứng vào tham gia tố tụng nhưng không cho đương sự tiếp cận đối chất với người làm chứng.

Không được lấy di sản thừa kế của những người thừa kế để trả công sức về việc quản lý di sản của người quản lý di sản mà không có sự đồng ý của những người thừa kế di sản.

-Về nội dung: Cấp sơ thẩm đã có những nhận định, đánh giá và kết luận một

cách cá nhân, chủ quan và áp dụng pháp luật không đúng quy định, không phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án như:

Xác định hàng thừa kế không đúng với thực tiễn, xác định ông Lâm Văn B1 (Lớn) là con cụ Lâm Văn U1 là không đúng bởi không có bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có giá trị chứng minh ông Lâm Văn B1 (Lớn) là con của cụ Lâm Văn U1.

Nhận định sai lầm về tính hiệu lực của “Di chúc” mà các bên cung cấp:

Đối với di chúc của cụ Lâm Văn U1 để lại do ông Lâm Út T1 cung cấp cho Tòa án không phải là di chúc, bởi nó không thể hiện ý chí, nguyện vọng của cụ Lâm Văn U1, không ghi họ tên người được hưởng di sản, không thể hiện di sản để lại và nơi có di sản, không ghi ngày tháng năm lập, không có người làm chứng, không có ký tên hoặc điểm chỉ của người lập di chúc vào từng trang, đối chiếu với các quy định của pháp luật dân sự về di chúc thì không thỏa mãn điều kiện của di chúc.

Ông Lâm Út T1 yêu cầu chia thêm một kỷ phần thừa kế cho công sức quản lý di sản là không có cơ sở vì ông Út T1 không phải là người quản lý di sản duy nhất và liên tục, ông T1 không làm tăng giá trị di sản lên.

Vì vậy, đề nghị HĐXX căn cứ Điều 624, Điều 626, Điều 630, Điều 631, Điều 648, Điều 650, Điều 651 Bộ luật Dân sự 2015 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không chấp nhận lời trình bày của phía bị đơn. Yêu cầu tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xác định khối tài sản chung giữa cụ Lâm Văn U1 và cụ Lê Thị N2 là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 56, tờ bản đồ số 13, diện tích 30.840 m², mục đích sử dụng: Cà phê, được Ủy ban nhân dân Thị xã B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/03/1995 đứng tên cụ Lâm Văn U1 là di sản thừa kế của cụ Lâm Văn U1 và cụ Lê Thị N2, mỗi người là 1/2(hoặc 7/14).

- Chia thừa kế theo pháp luật phần di sản của cụ Lê Thị N2 cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: Lâm Văn U1(chồng), Lâm Văn B (N), Lâm Thị Bé E, Lâm Thị H, Lâm Thị Bé U, Lâm Út T1, Lâm Út N mỗi người được hưởng 1/14 phần.

- Chia di sản thừa kế theo di chúc phần di sản của cụ Lâm Văn U1 gồm: 7/14 phần + 1/14 phần (được hưởng từ cụ N2) = 8/14 phần cho 04 người con gồm: Lâm Thị H, Lâm Thị Bé U, Lâm Út T1, Lâm Út N mỗi người được hưởng là: $8/14 : 4 = 2/14$ phần.

Như vậy, di sản thừa kế của cụ Lê Thị N2 và cụ Lâm Văn U1 để lại thì mỗi người con được hưởng số phần cụ thể như sau:

1/ Lâm Văn Bé N4: $1/14$ phần $\times 30.840 \text{ m}^2 = 2.202,857 \text{ m}^2$

2/ Lâm Thị Bé Em: $1/14$ phần $\times 30.840 \text{ m}^2 = 2.202,857 \text{ m}^2$

3/ Lâm Thị Huân: $1/14 + 2/14 = 3/14$ phần $\times 30.840 \text{ m}^2 = 6.608,571 \text{ m}^2$

4/ Lâm Thị Bé Út: $1/14 + 2/14 = 3/14$ phần x $30.840 \text{ m}^2 = 6.608,571 \text{ m}^2$

5/ Lâm Út Trai: $1/14 + 2/14 = 3/14$ phần x $30.840 \text{ m}^2 = 6.606,571 \text{ m}^2$

6/ Lâm Út Nhị: $1/14 + 2/14 = 3/14$ phần x $30.840 \text{ m}^2 = 6.606,571 \text{ m}^2$

Đối với phần di sản được chia bà Lâm Thị H và ông Lâm Út N yêu cầu được nhận bằng hiện vật theo đúng vị trí trong tờ di chúc ngày 04/9/1994 của cha là cụ Lâm Văn U1 để lại.

- Buộc ông Lâm Út T1 chia hoa lợi, lợi tức trên đất cho ông Lâm Văn B (Nhỏ), Lâm Thị H, Lâm Thị Bé E, Lâm Thị Bé U, Lâm Út N mỗi người được nhận tương ứng với phần diện tích đất được chia. Cụ thể:

Về phần hoa lợi, lợi tức trên đất mà ông Lâm Út T1 đã thu hoạch từ khi quản lý, sử dụng di sản là quyền sử dụng đất tại thửa số 56, tờ bản đồ số 13, diện tích 30.840 m^2 , mục đích sử dụng: Cà phê, từ năm 2002 đến nay chưa chia là 20 năm, thì nay bà Lâm Thị H, ông Lâm Út N yêu cầu chia theo tỷ lệ di sản các đồng thừa kế được nhận.

Như vậy, có 6 đồng thừa kế nên bà Lâm Thị H và ông Lâm Út N yêu cầu mỗi người sẽ được phân chia hoa lợi, lợi tức theo tỷ lệ tương ứng với quyền sử dụng đất mà mỗi người được nhận.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy, di chúc ngày 04/9/1994 nguyên đơn cung cấp có nội dung cụ U1 định đoạt luôn cả phần tài sản của cụ N2 để lại và có sự cắt dán, nội dung di chúc không rõ ràng. Giấy CNQSDĐ của di sản là thửa đất được cấp năm 1995 nhưng di chúc lại được viết năm 1994. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không công nhận di chúc này là phù hợp.

Tuy nhiên, di chúc do bị đơn ông Út T1 cung cấp không đề ngày, tháng, năm, cũng tương tự như di chúc nguyên đơn cung cấp, không tuân thủ theo quy định tại Điều 652, 655, khoản 2 Điều 656 Bộ luật Dân sự năm 1995. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại công nhận di chúc này là không đúng quy định pháp luật.

Như vậy, 02 bản di chúc trên đều không tuân thủ hình thức theo quy định pháp luật nên không có căn cứ để công nhận, do đó cần chia di sản thừa kế của cụ N2 và cụ U1 theo quy định pháp luật, cụ thể như sau:

- Phần di sản của cụ N2: Cụ N2 chết năm 1993 trước cụ U1 nên hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lê Thị N2 gồm 07 người:

1. Ông Lâm Văn B, tên gọi khác: N4, sinh năm 1949;
2. Bà Lâm Thị Bé E, sinh năm 1949;
3. Bà Lâm Thị H, sinh năm 1957;
4. Bà Lâm Thị Bé U, sinh năm 1960;
5. Ông Lâm Út T1, sinh năm 1963;

6. Ông Lâm Út N, sinh năm 1966.

7. Cụ Lâm Văn U1

Ông Lâm Út T1 có công sức chăm sóc, quản lý, tôn tạo thửa đất do đó căn cứ theo tinh thần Án lệ số 05/2016/AL, cần chia thêm cho ông Út T1 01 kỷ phần thừa kế là công sức đóng góp là phù hợp.

Như vậy di sản của cụ N2 để lại được chia làm 08 phần, gồm: Ông Lâm Văn B (Nhỏ); Bà Lâm Thị Bé E; Bà Lâm Thị H; Bà Lâm Thị Bé U; Ông Lâm Út N; Cụ Lâm Văn U1 mỗi người được hưởng 1/8 di sản của cụ N2. Thửa đất có tổng diện tích $30.302,2\text{m}^2$ (diện tích theo GCNQSDĐ 30.480m^2), di sản của cụ N2 để lại là $15.151,1\text{m}^2$, mỗi người được hưởng diện tích đất $1.893,88\text{m}^2$. Ông Lâm Út T1 được 2/8, tương đương $3.787,775\text{m}^2$.

- Phần di sản của cụ U: Theo 02 di chúc đều xác định ông Lâm Văn B1 (Lớn) là con riêng của cụ U1. Vì vậy, hàng thừa kế thứ nhất của cụ U1 gồm 07 người:

1. Ông Lâm Văn B (Nhỏ)

2. Bà Lâm Thị Bé E

3. Bà Lâm Thị H

4. Bà Lâm Thị Bé U

5. Ông Lâm Út T1

6. Ông Lâm Út N

7. Ông Lâm Văn B1 (Lớn) (Sinh năm 1948, chết năm 2013). Ông Lâm Văn B1 (Lớn) mất sau ông Lâm Văn U1 nên phần thừa kế của ông Lâm Văn B1 (Lớn) được chuyển tiếp cho vợ và con là: Bà Nguyễn Thị S (bà S thì từ chối nhận di sản thừa kế và tặng cho 02 con là Lâm Thị Tường V, Lâm Thị Trúc V1).

Vì vậy, phần di sản do cụ U để lại diện tích gồm $15.151,1\text{m}^2$ (tài sản của cụ U1) + $1.893,88\text{m}^2$ (di sản được nhận từ cụ N2) = $17.044,98\text{m}^2$.

Di sản của cụ U được chia cho ông Lâm Văn B (Nhỏ); Bà Lâm Thị Bé E, bà Lâm Thị H, bà Lâm Thị Bé Ú, ông Lâm Út N, ông Lâm Văn B1 (Lớn) mỗi người được hưởng $2130,62\text{m}^2$, ông Lâm Út T1 được hưởng $4.261,24\text{m}^2$ (gồm 01 phần thừa kế của cụ U1 và 01 phần công sức đóng góp).

Như vậy, tổng phần di sản thừa kế các đương sự được hưởng là:

1. Ông Lâm Văn B (Nhỏ), được hưởng: $1.893,88\text{m}^2 + 2130,62\text{m}^2 = 4.024,5\text{m}^2$

2. Bà Lâm Thị Bé E: $1.893,88\text{m}^2 + 2130,62\text{m}^2 = 4.024,5\text{m}^2$

3. Bà Lâm Thị H: $1.893,88\text{m}^2 + 2130,62\text{m}^2 = 4.024,5\text{m}^2$

4. Bà Lâm Thị Bé Ú: $1.893,88\text{m}^2 + 2130,62\text{m}^2 = 4.024,5\text{m}^2$

5. Ông Lâm Út T1: $3.787,775\text{m}^2 + 4.261,24\text{m}^2 = 8.049\text{m}^2$

6. Ông Lâm Út N: $1.893,88\text{m}^2 + 2130,62\text{m}^2 = 4.024,5\text{m}^2$

7. Ông Lâm Văn B1 (Lớn): 2130,62m². Ông Lâm Văn B (Lớn) đã chết năm 2013 nên Lâm Thị Trúc V1 và Lâm Thị Tường V mỗi người được hưởng: 2130,62m² /2 = 1.065,31m² di sản thừa kế của cụ U1.

- *Đối với phần tài sản tăng thêm trên đất:* Buộc những người được nhận phần hiện vật phải thanh toán lại giá trị tài sản trên phần diện tích đất được chia cho ông Lâm Út T1 và bà Nguyễn Thị D3 (theo chứng thư thẩm định giá số 0920/2023/CT-VACT ngày 08/9/2023 của Công ty cổ phần T2).

- *Đối với yêu cầu chia hoa lợi, lợi tức:* Nguyên đơn yêu cầu chia hoa lợi, lợi tức phát sinh chưa chia từ thửa đất số 56 tờ bản đồ số 13, diện tích 30.480m², tính từ năm 2002 đến nay là 20 năm, cụ thể: Tổng hoa lợi là 4 tấn/ha/năm x 3ha x 20năm x 40.000.000đ/tấn = 1.644.800.000 đồng chia đều cho 04 người là Lâm Thị H, Lâm Thị Bé U, Lâm Út N, Lâm Út T1. Bị đơn ông Lâm Út T1 không đồng ý vì ông cho rằng khi cụ U1 chết thì cả phe đã già, sản lượng trung bình là khoảng trên dưới 3 tấn/ha/năm chưa trừ phần công chăm sóc, tiền phân bón thì bị lỗ. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thừa nhận cây trồng trên đất do cụ U1 tạo lập đã già cỗi không còn thu hoa lợi. Đồng thời, các nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh sản lượng ông Út T1 thu lợi sau khi trừ các chi phí đầu tư. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của các nguyên đơn là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận bản di chúc do bị đơn ông Út T1 giao nộp là không đúng quy định. Do đó, cần sửa bản án sơ thẩm về phần này và chia lại di sản thừa kế theo quy định pháp luật. Các đương sự kháng cáo nên có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

- Chấp đơn kháng cáo của bà Lâm Thị H, bà Lâm Thị Bé U, ông Lâm Út N, bà Lâm Thị Tường V, bà Lâm Thị Trúc V1.

- Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 258/2023/DS-ST ngày 24 và ngày 30/10/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo hướng phân tích trên.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Lâm Thị Bé E do rút yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan làm trong hạn luật định, bà Lâm Thị Bé E, bà Lâm Thị H, bà Lâm Thị Bé U được miễn nộp tạm ứng án phí, ông Lâm Út N, bà Lâm Thị Tường V, bà Lâm Thị Trúc V1 đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên kháng cáo hợp lệ và được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Đối với kháng cáo của bà Lâm Thị Bé E, ngày 27/12/2023 bà Lâm Thị Bé E có đơn xin rút yêu cầu kháng cáo, xét thấy việc rút yêu cầu kháng cáo của bà Lâm Thị Bé E là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ khoản 3 Điều 284 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Lâm Thị Bé E.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Xét nội dung kháng cáo của bà Lâm Thị H, bà Lâm Thị Bé U, ông Lâm Út N yêu cầu chia thừa kế theo di chúc ngày 4/9/1994, Không chấp nhận yêu cầu chia tương đương 01 kỷ phần thừa kế về công sức quản lý di sản cho ông Lâm Út T1, không chấp nhận ông Lâm Văn B1(Lớn) là con ông Lâm Văn U1, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Cụ Lâm Văn U1, tên gọi khác là Lâm G (Sinh năm 1918, mất ngày 03/7/2000) và cụ Lê Thị N2 (Sinh năm 1920, mất ngày 17/8/1992) có 06 người con chung gồm: Lâm Văn B (Nhỏ), Lâm Thị Bé E, Lâm Thị H, Lâm Thị Bé U, Lâm Út trai, Lâm Út N. Ngoài ra cụ Lâm Văn U1 có 01 người con riêng Lâm Văn B1 (Lớn) (theo 02 di chúc đều xác định ông Lâm Văn B1 (Lớn) là con riêng của cụ U1). Khi còn sống Cụ U1 và cụ N2 tạo lập được tài sản chung là 01 Lô đất tại thửa đất số 56, tờ bản đồ số 13, diện tích 30.840 m², đứng tên hộ Lâm Văn U1 tại xã H, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (Nay là thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0485814 cấp ngày 06/3/1995. Cụ Lê Thị N2 mất ngày 17/8/1992 không để lại di chúc; Cụ Lâm Văn U1 mất ngày 03/7/2000 có để lại Bản di chúc đề ngày 04/9/1994 (Do nguyên đơn giao nộp); và 01 Văn bản không đề ngày (Do bị đơn giao nộp). Tài sản thừa kế chưa được chia, nay hàng thừa kế không tự phân chia nên nguyên đơn bà H, bà Bé U khởi kiện tranh chấp đề nghị Tòa án giải quyết.

[2.1.1] *Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lê Thị N2, cụ Lâm Văn U1:*

Cụ Lê Thị N2 chết ngày 17/8/1992. Căn cứ Điều 3 Pháp lệnh thừa kế số 44-LCT/HĐNN8, ngày 10/9/1990, thời điểm mở thừa kế là thời điểm người có tài sản chết, nên thời điểm mở thừa kế là ngày 17/8/1992. Những người thừa kế theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lê Thị N2 gồm 7 người: Cụ Lâm Văn U1(Chồng); các con ruột của cụ Lê Thị N2: Ông Lâm Văn B (Nhỏ), bà Lâm Thị Bé E, bà Lâm Thị H, bà Lâm Thị Bé U, ông Lâm Út T1, ông Lâm Út N.

Cụ Lâm Văn U1 chết ngày 03/7/2000. Căn cứ Điều 636 Bộ luật Dân sự năm 1995: Thời điểm mở thừa kế là thời điểm người có tài sản chết, nên thời điểm mở thừa kế là ngày 03/7/2000. Những người thừa kế theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lâm Văn U1 gồm 7 người là các con ruột của cụ Lâm Văn U1 gồm: Ông Lâm Văn B1 (Lớn), ông Lâm Văn B (Nhỏ), bà Lâm Thị Bé E, bà Lâm Thị H, bà Lâm Thị Bé U, ông Lâm Út T1, ông Lâm Út N. Ông Lâm Văn B1 (Lớn) (chết ngày 10/10/2013) sau thời điểm cụ Lâm Văn U1 chết nên phần thừa kế của ông Lâm Văn B1 (Lớn) được chuyển tiếp cho hàng thừa kế thứ nhất của ông Lâm Văn B1 (Lớn) gồm 3 người: Bà Nguyễn Thị S (Bà S từ chối nhận di sản thừa kế và tặng cho 02 con là Lâm Thị Tường V và Lâm Thị Trúc V1); các con ruột của ông Lâm Văn B1 (Lớn) là Lâm Thị Tường V và Lâm Thị Trúc V1.

[2.1.2] Xác định di sản thừa kế của cụ Lê Thị N2, cụ Lâm Văn U1:

- Căn cứ vào hồ sơ thu thập được tại Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cung cấp: Xác định nguồn gốc đất đai: “Định cư năm 1959”. Tại thời điểm tạo lập tài sản chung thì các con của cụ N2 và cụ U1 còn nhỏ nên không có công sức đóng góp. Đây là tài sản chung của cụ N2 và cụ U1 hình thành trong thời kỳ hôn nhân, không phải là tài sản chung của các thành viên trong hộ gia đình. Do đó, xác định Lô đất tại thửa đất số 56, tờ bản đồ số 13, diện tích 30.840 m² (đo đạc thực tế 30.302,2m²), đứng tên hộ Lâm Văn U1 tại xã H, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0485814 cấp ngày 06/3/1995 là tài sản chung của cụ U1 và cụ N2.

Đối với tài sản trên đất: Tại Biên bản làm việc ngày 28/6/2023, các đương sự xác định: Đối với phần nhà và cây trồng trên đất do vợ chồng cụ U1 tạo lập. Hiện nay nhà đã xuống cấp, cây trồng đã già cỗi không còn thu hoa lợi được nên thống nhất không xác định giá và không yêu cầu định giá. Như vậy, các đương sự đều xác định đối với tài sản trên đất do vợ chồng cụ U1 tạo lập không còn giá trị và không yêu cầu xác định giá. Do đó, di sản thừa kế của cụ N2 và cụ U1 là đất tại thửa đất số 56, tờ bản đồ số 13, diện tích 30.840 m² (đo đạc thực tế 30.302,2m²), đứng tên hộ Lâm Văn U1 tại xã H, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0485814 cấp ngày 06/3/1995.

[2.1.3] Về công sức đóng góp vào việc quản lý, tôn tạo di sản thừa kế: Quá trình giải quyết vụ án, xác định ông Lâm Út T1 hiện là người trực tiếp quản lý đối với di sản thừa kế do cụ N2 và cụ U1 để lại. Ông Lâm Út T1 có công sức chăm sóc, quản lý, tôn tạo thửa đất do đó căn cứ Án lệ số 05/2016/AL.

Khái quát nội dung án lệ: Trong vụ án tranh chấp di sản thừa kế, có đương sự thuộc diện được hưởng một phần di sản thừa kế và có công sức đóng góp vào việc quản lý, tôn tạo di sản thừa kế nhưng không đồng ý việc chia thừa kế (vì

cho rằng đã hết thời hiệu khởi kiện về thừa kế), không có yêu cầu cụ thể về việc xem xét công sức đóng góp của họ vào việc quản lý, tôn tạo di sản thừa kế; nếu Tòa án quyết định việc chia thừa kế cho các thừa kế thì phải xem xét về công sức đóng góp của họ vì yêu cầu không chia thừa kế đối với di sản thừa kế lớn hơn yêu cầu xem xét về công sức”.

Do cụ N2 chết năm 1992, cụ U1 chết năm 2000. Ông Lâm Út T1 là người trực tiếp quản lý di sản đến nay. Quá trình thu thập chứng cứ xác định, ông Lâm Út T1 trực tiếp quản lý di sản từ năm 1995 đến nay. Vì vậy, cần xác định công sức chăm sóc, quản lý, tôn tạo thửa đất cho ông Lâm Út T1 là 01 kỷ phần thừa kế của cụ N2 và cụ U1 theo quy định pháp luật là phù hợp.

Cụ Lê Thị N2 chết không để lại di chúc nên di sản của cụ N2 để lại được chia thừa kế theo pháp luật là có căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24 Pháp lệnh thừa kế số 44-LCT/HĐNN8, ngày 10/9/1990. Do các đương sự không thỏa thuận được việc phân chia di sản thừa kế nên những người thừa kế cùng hàng được chia phần di sản ngang nhau là phù hợp với quy định tại Điều 35 Pháp lệnh thừa kế số 44-LCT/HĐNN8, ngày 10/9/1990.

Cụ Lâm Văn U1 chết có để lại 01 “Tờ di chúc” đề ngày 04/9/1994 và 01 văn bản do cụ U1 để lại không đề ngày tháng năm, do cụ U1 lập tại địa chỉ số C đường N, thị xã L, thành phố A: Các đương sự đều thừa nhận đây là bút tích do cụ U1 để lại. Tuy nhiên, Xét Hiệu lực của Tờ di chúc đề ngày 04/9/1994: Di chúc được lập thành văn bản không có người làm chứng, di chúc chỉ ghi họ tên người lập di chúc, không ghi địa chỉ của người lập di chúc. Di chúc chỉ ghi diện tích đất 3.0840 ha đất tại thửa đất số 56, tờ bản đồ số 13 cấp ngày 08/3/1995, nhưng không ghi địa chỉ cụ thể của lô đất. Cụ N2 chết trước cụ U1 nhưng cụ U1 lập di chúc định đoạt đối với tài sản chung của vợ chồng. Di chúc gồm nhiều trang nhưng mỗi trang không được đánh số thứ tự và không có chữ ký hoặc điểm chỉ của người lập di chúc. Hơn nữa, thông tin ghi trong di chúc là “diện tích đất 3,084 ha đất tại thửa đất số 56, tờ bản đồ số 13 cấp ngày 08/3/1995”, nhưng ngày tháng năm lập di chúc là ngày 04/9/1994. Do đó, Di chúc đề ngày 04/9/1994 không chính xác về mặt thời gian lập di chúc. Do đó, tờ di chúc đề ngày 04/9/1994 không đảm bảo đầy đủ nội dung quy định tại Điều 656 Bộ luật Dân sự năm 1995 nên Tờ di chúc đề ngày 04/9/1994 không hợp pháp nên cấp sơ thẩm không công nhận di chúc này là phù hợp.

Xét hiệu lực của Văn bản do cụ U1 để lại không đề ngày tháng năm, do cụ U1 lập tại địa chỉ số C đường N, thị xã L, thành phố A: Văn bản này được lập ra cũng không có người làm chứng. Di chúc chỉ ghi họ tên người lập di chúc, không ghi địa chỉ của người lập di chúc. Di chúc chỉ ghi diện tích đất 3.0840 ha đất tại thửa đất số 56, tờ bản đồ số 13 cấp ngày 08/3/1975, nhưng không ghi địa chỉ cụ thể của lô đất. Di chúc gồm nhiều trang tuy có đánh số thứ tự mỗi trang

nhưng không có chữ ký hoặc điểm chỉ của người lập di chúc. Cụ N2 chết trước cụ U1 nhưng cụ U1 lập di chúc định đoạt đối với tài sản chung của vợ chồng nên Tờ di chúc không đề ngày này cũng không hợp pháp nhưng cấp sơ thẩm căn cứ vào bản di chúc này để chia di sản thừa kế của cụ U1 để lại là chưa đúng với quy định của pháp luật.

Như vậy, cả hai di chúc mà cụ U1 để lại đều không tuân thủ về hình thức theo quy định của pháp luật nên không có căn cứ để công nhận. Do đó, cần chia di sản của cụ U1 để lại theo quy định của pháp luật là phù hợp và đảm bảo quyền và lợi ích của các đương sự.

Tại Biên bản lấy lời khai, ngày 20/9/2022 đối với ông Lâm Văn B (Nhỏ) xác định: Năm 1995 thì cụ Lâm Văn U1 giao lại phần đất này cho ông Lâm Út T1 quản lý. Đối với các cây trồng trên đất được trồng sau năm 1995 thì ông Lâm Út T1 là người trồng. Đối với các cây trồng do cụ Lâm Văn U1 và cụ Lê Thị N2 trồng trên đất thì đã già cỗi, không cho thu hoạch nên ông Lâm Út T1 đã phá bỏ hết. Ông Lâm Út T1 quản lý tài sản nói trên từ năm 1995 đến nay. Ngoài ra, không có ai đến quản lý đất. Vì vậy, các đồng thừa kế của cụ N2, cụ U1 phải thanh toán lại giá trị tài sản trên đất tương ứng với phần đất mà mình được nhận là phù hợp.

Tại Biên bản xác minh ngày 15/12/2022 thể hiện: Hiện thửa đất số 56, tờ bản đồ số 13, diện tích 30.840 m² thuộc đất quy hoạch sản xuất kinh doanh, đủ điều kiện tách thửa theo quy định pháp luật. Hiện nay, đối với thửa đất số 56, tờ bản đồ số 13 chưa có thông báo về quy hoạch, thu hồi và bồi thường. Hơn nữa, các đương sự đều có nguyện vọng được chia thừa kế bằng hiện vật. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu này của các đương sự.

Cụ thể: Theo kết quả đo vẽ của Công ty TNHH Đ1 thể hiện, diện tích đất thực tế sau khi tiến hành đo đạc là 30.302,2 m². Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự thống nhất với kết quả đo vẽ và không có ý kiến gì.

Di sản của cụ N2: $\frac{1}{2} \times 30.302,2 \text{ m}^2 = 15.151,1 \text{ m}^2$. Như vậy, di sản của cụ N2 để lại được chia làm 08 phần, ông Lâm Văn B (Nhỏ); Bà Lâm Thị Bé E; Bà Lâm Thị H; Bà Lâm Thị Bé U; Ông Lâm Út N; Cụ Lâm Văn U1 mỗi người được hưởng $\frac{1}{8}$ di sản của cụ N2: Mỗi người được hưởng diện tích đất: 1.893,888 m². Ông Lâm Út T1 được hưởng $\frac{2}{8}$ di sản của cụ N2, tương đương diện tích đất 3.787,775m².

Di sản của cụ U1: $(\frac{1}{2} \times 30.302,2 \text{ m}^2) + 1.893,888 \text{ m}^2$ (phần thừa kế mà cụ U1 được hưởng từ cụ N2) = 17.044,988 m². Như vậy, di sản của cụ U1 để lại chia 8 phần, ông Lâm Văn B (Nhỏ); Bà Lâm Thị Bé E; Bà Lâm Thị H; Bà Lâm Thị Bé U; Ông Lâm Út N; Lâm Văn B1 (Lớn) mỗi người được hưởng $\frac{1}{8}$ di sản của cụ

U, mỗi người được hưởng 2.130,623m². Ông Lâm Út T1 được hưởng 2/8 di sản của cụ U1, tương đương diện tích đất 4.261,247m².

Ông Lâm Văn B1 (Lớn) (chết ngày 10/10/2013) sau thời điểm cụ Lâm Văn U1 chết nên phần thừa kế của ông Lâm Văn B1 (Lớn) được chuyển tiếp cho hàng thừa kế thứ nhất của ông Lâm Văn B1 (Lớn) là các con ruột của ông Lâm Văn B1 (Lớn) là Lâm Thị Tường V và Lâm Thị Trúc V1, cụ thể bà Lâm Thị Tường V 1.065,312m², bà Lâm Thị Trúc V1 1.065,312m²

Như vậy, ông Lâm Văn B (Nhỏ); Bà Lâm Thị Bé E; Bà Lâm Thị H; Bà Lâm Thị Bé U; Ông Lâm Út N, mỗi người được chia diện tích đất là 4.024,511 m². Ông Lâm Út T1 được chia diện tích đất là 8.409,022m², bà Lâm Thị Tường V 1.065,312m², bà Lâm Thị Trúc V1 1.065,312m².

Từ những nhận định trên, di sản là thửa đất số 56, tờ bản đồ số 13, diện tích 30.840 m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0485814 do Ủy ban nhân dân thị xã B cấp ngày 06/3/1995, qua xác minh, đo vẽ thực tế nay là thửa đất số 24, tờ bản đồ số 07, diện tích 30.302,2 m², chia theo hiện vật cụ thể như sau:

Ông Lâm Văn B (Nhỏ) được quyền quản lý, sở hữu:

01 lô đất có diện tích 4.025,0 m² đất trồng cây lâu năm có ký hiệu (4) theo Bản Hoàn công cắm mốc phương án I, ngày 30/8/2023, có tứ cận như sau:

Phía Đông: Giáp đường đi, cạnh dài 22,61 m.

Phía Tây: Giáp thửa đất số 55, cạnh dài 22,61 m.

Phía Nam: Giáp thửa đất có ký hiệu (5), cạnh dài 177,96m.

Phía Bắc: Giáp thửa đất có ký hiệu (3), cạnh dài 139,80m, giáp thửa ký hiệu (2) cạnh dài 19.08m và giáp thửa ký hiệu (1) cạnh dài 19,20m

Trị giá thửa đất: 2.644.425.000 đồng

Tài sản gắn liền với đất:

Cây chuối: 22 bụi, trị giá 1.540.000 đồng

2 cây me trồng năm 2002, trị giá 1.045.400 đồng.

134 Cây cà phê trồng năm 1997, trị giá 23.986.000 đồng

8 Cây hồ tiêu trồng năm 2018, có trị giá 2.074.400 đồng.

21 Cây bơ trồng năm 2017, trị giá 62.769.000đồng
14 Cây sầu riêng trồng năm 1997, trị giá 23.730.000đ
36 cây sầu riêng trồng năm 2017, trị giá 163.080.000đ
5 cây sầu riêng trồng năm 2020, trị giá 3.060.000đ
3 cây mít trồng năm 2016, trị giá 4.353.000đ
5 cây sầu riêng trồng năm 2023, trị giá 1.765.000đ
Tổng giá trị tài sản trên đất là 287.398.800đ

Bà Lâm Thị H được quyền quản lý, sở hữu:

01 lô đất có diện tích 4.025,1 m² đất trồng cây lâu năm có ký hiệu (5) theo Bản Hoàn công cắm mốc phương án I, ngày 30/8/2023, có tứ cận như sau:

Phía Đông: Giáp đường đi, cạnh dài 22,63 m.

Phía Tây: Giáp thửa đất số 55, cạnh dài 22,63m

Phía Nam: Giáp thửa đất có ký hiệu (6), cạnh dài 177,83m.

Phía Bắc: Giáp thửa ký hiệu (4), cạnh dài 117,96m.

Trị giá thửa đất: 2.644.490.700 đồng.

Tài sản gắn liền với đất:

61 cây chuối có buồng, trị giá 4.270.000 đồng;

194 cây cà phê trồng năm 1997, trị giá 34.726.000 đồng;

44 cây bơ trồng năm 2017, trị giá 131.516.000đồng;

16 cây sầu riêng trồng năm 1997, trị giá 27.120.000 đồng;

28 cây sầu riêng trồng năm 2017, trị giá 126.840.000 đồng;

30 cây sầu riêng trồng năm 2020, trị giá 18.360.000 đồng;

5 cây sầu riêng trồng năm 2023, trị giá 1.765.000 đồng;

02 cây hồ tiêu trồng năm 2018, trị giá 517.600 đồng

Tổng giá trị tài sản gắn liền với đất là 345.114.600 đồng.

Bà Lâm Thị Bé E được quyền quản lý, sở hữu:

01 lô đất có diện tích 4.025,1 m² đất trồng cây lâu năm có ký hiệu (6) theo Bản Hoàn công cấm mốc phương án I, ngày 30/8/2023, có tứ cận như sau:

Phía Đông: Giáp đường đi, cạnh dài 22,65m.

Phía Tây: Giáp thửa 55, cạnh dài 22,65m.

Phía Nam: Giáp thửa đất có ký hiệu (7), cạnh dài 177,70m.

Phía Bắc: Giáp thửa ký hiệu số (5), cạnh dài 177,83m.

Trị giá thửa đất: 2.644.490.700 đồng.

Tài sản gắn liền với đất:

211 cây cà phê trồng năm 1997, trị giá 37.769.000 đồng;

53 cây bơ trồng năm 2017, trị giá 158.417.00 đồng.

13 cây sầu riêng trồng năm 1997, trị giá 22.035.000 đồng;

34 cây sầu riêng trồng năm 2017, trị giá 154.020.000 đồng;

27 cây sầu riêng trồng năm 2020, trị giá 16.524.000 đồng;

5 cây dừa trồng năm 2012, trị giá 4.411.000 đồng;

2 cây tre, trị giá 2.400.000 đồng;

63 cây hồ tiêu năm 2018, loại B, trị giá 16.317.000 đồng;

5 cây hồ tiêu năm 2018, trị giá 1.294.000 đồng;

1 cây me trồng năm 2002, trị giá 522.700 đồng;

5 cây mít trồng năm 2016, trị giá 7.255.000 đồng;

Tổng giá trị tài sản gắn liền với đất là 420.964.700 đồng.

Ông Lâm Út N được quyền quản lý, sở hữu:

01 lô đất có diện tích 4.025,0m² đất trồng cây lâu năm có ký hiệu (7) theo Bản Hoàn công cắm mốc phương án I, ngày 30/8/2023, có tứ cận như sau:

Phía Đông: Giáp đường đi, cạnh dài 22,66m.

Phía Tây: Giáp thửa 55, cạnh dài 22,66m.

Phía Nam: Giáp thửa đất có ký hiệu (8), cạnh dài 177,57m.

Phía Bắc: Giáp thửa ký hiệu số (6), cạnh dài 177,70m.

Trị giá thửa đất: 2.644.425.000đồng.

Tài sản gắn liền với đất:

4 cây tre, trị giá 4.800.000 đồng;

8 cây sầu riêng trồng năm 1997, trị giá 13.560.000 đồng;

37 cây sầu riêng trồng năm 2017, trị giá 167.610.000 đồng;

7 cây sầu riêng trồng năm 2020, trị giá 4.284.000 đồng;

4 cây dừa trồng năm 2012, trị giá 3.528.800 đồng;

50 cây bơ trồng năm 2017, trị giá 149.450.000 đồng;

155 cây cà phê trồng năm 1997, trị giá 27.745.000 đồng;

01 cây me trồng năm 2002, trị giá 522.700 đồng;

04 cây cau trồng năm 2018, trị giá 441.600 đồng;

Tổng giá trị tài sản gắn liền với đất là 371.942.100 đồng.

Bà Lâm Thị Bé U được quyền quản lý, sở hữu:

01 lô đất có diện tích 4.025,2 m² đất trồng cây lâu năm có ký hiệu (8) theo Bản Hoàn công cắm mốc phương án I, ngày 30/8/2023, có tứ cận như sau:

Phía Đông: Giáp đường đi, cạnh dài 5,61m và thửa 56A cạnh dài 63,93m

Phía Tây: Giáp thửa đất 55, cạnh dài 67,63m.

Phía Nam: Giáp thửa đất 57, cạnh dài 47,11m

Phía Bắc: Giáp thửa ký hiệu (7) cạnh dài 177,57m.

Trị giá thửa đất: 2.644.556.400 đồng.

Tài sản gắn liền với đất:

124 cây cà phê trồng năm 1997, trị giá 22.196.000 đồng;

3 cây chuối có buồng, trị giá 210.000 đồng;

19 cây sầu riêng trồng năm 1997, trị giá 32.205.000 đồng;

11 cây sầu riêng trồng năm 2020, trị giá 6.732.000 đồng.

8 cây sầu riêng trồng năm 2017, trị giá 36.240.000 đồng.

15 cây cau trồng năm 2018, trị giá 1.656.000 đồng.

9 cây mít trồng năm 2016, trị giá 13.059.000 đồng.

1 cây sapoche trồng năm 2010, trị giá 871.100 đồng.

1 cây chôm chôm trồng năm 2008, trị giá 532.600 đồng.

8 cây bơ trồng năm 2017, trị giá 23.912.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản gắn liền với đất là 137.613.700 đồng.

Ông Lâm Út T1 được quyền quản lý, sở hữu:

01 lô đất có diện tích 8.046,3 m² đất trồng cây lâu năm có ký hiệu (3) theo Bản Hoàn công cắm mốc phương án I, ngày 30/8/2023, có tứ cận như sau:

Phía Đông: Giáp đường đi, cạnh dài 55,40m + 4,23m.

Phía Tây: Giáp thửa ký hiệu (2), cạnh dài 55,94m.

Phía Nam: Giáp thửa đất có ký hiệu (4), cạnh dài 139,80m.

Phía Bắc: Giáp đường đất cạnh dài lần lượt là 47,46m + 9,15m + 25,64m + 43,57m + 12,41m.

Trị giá thửa đất: 5.286.419.100đồng .

Tài sản gắn liền với đất:

98 cây sầu riêng trồng năm 1997, trị giá 166.110.000 đồng;

22 cây sầu riêng trồng năm 1997, trị giá 99.660.000 đồng.

18 cây sầu riêng trồng năm 2020, trị giá 11.016.000 đồng.

3 cây sầu riêng trồng năm 2023, trị giá 1.059.000 đồng.

759 cây cà phê trồng năm 1997, trị giá 135.861.000 đồng;

20 cây mít trồng năm 2016, trị giá 29.020.000 đồng;

Tổng giá trị tài sản gắn liền với đất là 442.726.000 đồng.

Chị Lâm Thị Tường V được quyền quản lý, sở hữu:

01 lô đất có diện tích 1.065,4 m² đất trồng cây lâu năm có ký hiệu (2) theo Bản Hoàn công cấm mốc phương án I, ngày 30/8/2023, có tứ cận như sau:

Phía Đông: Giáp thửa ký hiệu (3), cạnh dài 55,94m.

Phía Tây: Giáp thửa ký hiệu (1), cạnh dài 55,74m.

Phía Nam: Giáp thửa đất có ký hiệu (4), cạnh dài 19,08m.

Phía Bắc: Giáp đường đất cạnh dài 19,08m.

Trị giá thửa đất: 699.967.800 đồng .

Tài sản gắn liền với đất:

08 cây bơ trồng năm 2017, trị giá 23.912.000 đồng;

06 cây sầu riêng trồng năm 2017, trị giá 27.180.000 đồng.

05 cây sầu riêng trồng năm 1997, trị giá 8.475.000 đồng.

2 cây me trồng năm 2010, trị giá 1.045.400 đồng.

33 cây cà phê trồng năm 1997, trị giá 5.907.000 đồng;

2 cây chuối có buồng, trị giá 140.000 đồng;

Tổng giá trị tài sản gắn liền với đất là 66.659.400 đồng.

Chị Lâm Thị Trúc V1 được quyền quản lý, sở hữu:

01 lô đất có diện tích 1.065,1 m² đất trồng cây lâu năm có ký hiệu (1) theo Bản Hoàn công cấm mốc phương án I, ngày 30/8/2023, có tứ cận như sau:

Phía Đông: Giáp thửa ký hiệu (2), cạnh dài 55,74m.

Phía Tây: Giáp thửa 55, cạnh dài 52,36m +3,70m

Phía Nam: Giáp thửa đất có ký hiệu (4), cạnh dài 19,20m.

Phía Bắc: Giáp đường đất cạnh dài 17,29m.

Trị giá thửa đất: 699.770.700 đồng .

Tài sản gắn liền với đất:

10 cây bơ trồng năm 2017, trị giá 29.890.000 đồng;

15 cây chuối có buồng, trị giá 1.050.000 đồng.

21 cây cà phê trồng năm 1997, trị giá 3.759.000 đồng;

14 cây sầu riêng trồng năm 1997, trị giá 23.730.000 đồng.

4 cây sầu riêng trồng năm 2017, trị giá 18.120.000 đồng.

1 cây mít trồng năm 2010, trị giá 1.451.000 đồng.

5 cây cây trồng năm 2018, trị giá 552.000 đồng;

Tổng giá trị tài sản gắn liền với đất là 78.552.000 đồng.

Xét thấy, các tài sản trên đất do vợ chồng ông Lâm Út T1, bà Nguyễn Thị D3 tạo lập nên các đồng thừa kế phải thanh toán lại giá trị tài sản trên đất, cụ thể như sau:

Ông Lâm Văn B (Nhỏ) có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản trên đất cho ông Lâm Út T1, bà Nguyễn Thị D3 là 287.398.800 đồng;

Bà Lâm Thị Bé E có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản trên đất cho ông Lâm Út T1, bà Nguyễn Thị D3 là 420.964.700 đồng;

Bà Lâm Thị H có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản trên đất cho ông Lâm Út T1, bà Nguyễn Thị D3 là 345.114.600 đồng;

Bà Lâm Thị Bé U có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản trên đất cho ông Lâm Út T1, bà Nguyễn Thị D3 là 137.613.700 đồng;

Ông Lâm Út N có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản trên đất cho ông Lâm Út T1, bà Nguyễn Thị D3 là 371.942.100 đồng;

Bà Lâm Thị Tường V có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản trên đất cho ông Lâm Út T1, bà Nguyễn Thị D3 là 66.659.400 đồng.

Bà Lâm Thị Trúc V1 có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản trên đất cho ông Lâm Út T1, bà Nguyễn Thị D3 là 78.552.000 đồng.

Từ những phân tích trên xét thấy kháng cáo của bà Lâm Thị H, bà Lâm Thị Bé U, ông Lâm Út T1 kháng cáo yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ U theo di chúc ngày 04/9/1994, không chấp nhận yêu cầu chia tương đương 01 kỷ phần thừa kế về công sức quản lý di sản cho ông Lâm Út T1, không chấp nhận ông Lâm Văn B1(Lớn) là con ông Lâm Văn U1 là không có căn cứ.

[2.2] Xét kháng cáo của bà Lâm Thị H, bà Lâm Thị Bé U, ông Lâm Út T1 yêu cầu chia hoa lợi trên đất từ năm 2002 đến năm 2022 là 20 năm tương ứng với phần đất được chia, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại Biên bản lấy lời khai, ngày 20/9/2022 đối với ông Lâm Văn B (Nhỏ) xác định: Năm 1995 thì cụ Lâm Văn U1 giao lại phần đất này cho ông Lâm Út T1 quản lý. Đối với các cây trồng trên đất được trồng sau năm 1995 thì do ông Lâm Út T1 là người trồng. Đối với các cây trồng do cụ Lâm Văn U1 và cụ Lê Thị N2 trồng trên đất thì đã già cỗi, không cho thu hoạch nên ông Lâm Út T1 đã phá bỏ hết và trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận cây trồng trên đất do cụ U1 tạo lập đã già cỗi, không còn thu hoa lợi. Mặc khác, ông Lâm Út T1 quản lý đất từ năm 1995, cây trồng trên đất đều do ông Lâm Út T1 trồng mới. Hơn nữa, nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc ông Lâm Út T1 có thu được hoa lợi đối với các cây trồng do vợ chồng cụ U1 tạo lập trong thời gian 20 năm (Từ năm 2002 đến năm 2022) là bao nhiêu, sau khi trừ đi chi phí đầu tư còn lại bao nhiêu. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của Nguyên đơn là phù hợp. Do vậy kháng cáo của bà Lâm Thị H, ông Lâm Út N, bà Lâm Thị Bé U yêu cầu chia hoa lợi trên đất là không căn cứ.

[2.3] Xét kháng cáo của bà Lâm Thị Tường V và bà Lâm Thị Trúc V1 yêu cầu chia di sản của cụ Lâm Văn U1 theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy rằng, như đã phân tích ở mục [2.1.3] cả hai di chúc mà cụ Lâm Văn U1 để lại đều không hợp pháp theo quy định của pháp luật nên cần chia di sản của cụ U1 để lại theo quy định của pháp luật. Do đó, kháng cáo của bà Lâm Thị Tường V và bà Lâm Thị Trúc V1 có căn cứ để chấp nhận.

Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lâm Thị H, bà Lâm Thị Bé U, ông Lâm Út N. Chấp nhận kháng cáo của bà Lâm Thị Tường V, bà Lâm Thị Trúc V1, sửa Bản án sơ thẩm số 258/2023/DSST ngày 24 và ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo như hướng đã phân tích ở trên.

[3]. Về chi phí tố tụng:

Các đương sự phải chịu 94.966.000 đồng tiền chi phí thẩm định, đo vẽ, cắm mốc và thẩm định giá tài sản tương ứng với phần di sản thừa kế mà mình được nhận, chia cụ thể như sau:

Ông Lâm Văn B (Nhỏ), bà Lâm Thị Bé E, bà Lâm Thị H, bà Lâm Thị Bé U, ông Lâm Út N mỗi người phải chịu 12.614.000 đồng (làm tròn); Ông Lâm Út T1 phải chịu 25.216.000 đồng (làm tròn). Chị Lâm Thị Tường V, chị Lâm Thị Trúc V1 mỗi người phải chịu 3.339.000 đồng (làm tròn).

Trả lại cho bà Lâm Thị H, bà Lâm Thị Bé U 69.738.000 đồng (làm tròn) tiền tạm ứng chi phí thẩm định, đo vẽ, cắm mốc và thẩm định giá tài sản khi nào thu được của ông Lâm Văn B (Nhỏ), bà Lâm Thị Bé E, ông Lâm Út N, ông Lâm Út T1, bà Lâm Thị Tường V, bà Lâm Thị Trúc V1.

[4]. Về án phí:

[4.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lâm Văn B (Nhỏ), bà Lâm Thị Bé E, bà Lâm Thị H, bà Lâm Thị Bé U, ông Lâm Út T1, bà Nguyễn Thị D3 là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm nên miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho những người này.

Ông Lâm Út N phải chịu 92.327.000 đồng (làm tròn) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với phần giá trị tài sản được hưởng.

Bà Lâm Thị Tường V phải chịu 34.665.000 đồng (làm tròn) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lâm Thị Trúc V1 phải chịu 35.133.000 đồng (làm tròn) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do đơn kháng cáo của bà Lâm Thị H, bà Lâm Thị Bé U, ông Lâm Út N được chấp nhận một phần, kháng cáo của bà Lâm Thị Tường V, bà Lâm Thị Trúc V1 được chấp nhận toàn bộ nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, khoản 3 Điều 284 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp đơn một phần đơn kháng cáo của bà Lâm Thị H, bà Lâm Thị Bé U, ông Lâm Út N và chấp nhận đơn kháng cáo bà Lâm Thị Tường V, bà Lâm Thị Trúc V1 -Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 258/2023/DS-ST ngày 24 và ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Lâm Thị Bé E do rút kháng cáo.

[2]- Căn cứ vào Điều 4, Điều 5, khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 147, Điều 156, Điều 157, Điều 164, Điều 165, Điều 220, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 3, Điều 13, điểm a khoản 1 Điều 24 Pháp lệnh thừa kế số 44/LCT/HĐNN8 ngày 19/9/1990;

- Căn cứ Điều 636, Điều 652, Điều 655 Bộ luật Dân sự năm 1995;

- Căn cứ vào Điều 609, Điều 610, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Án lệ số 05/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị H, bà Lâm Thị Bé U.

1. Về hàng thừa kế theo pháp luật của cụ Lê Thị N2 gồm 07 người: Cụ Lâm Văn U1 (Chồng); các con ruột của cụ Lê Thị N2: Ông Lâm Văn B (Nhỏ), bà Lâm Thị Bé E, bà Lâm Thị H, bà Lâm Thị Bé U, ông Lâm Út T1, ông Lâm Út N.

2. Về hàng thừa kế theo pháp luật của cụ Lâm Văn U1 gồm 07 người: Ông Lâm Văn B1 (Lớn), ông Lâm Văn B (Nhỏ), bà Lâm Thị Bé E, bà Lâm Thị H, bà

Lâm Thị Bé U, ông Lâm Út T1, ông Lâm Út N. Ông Lâm Văn B1 (Lớn) (chết ngày 10/10/2013) sau thời điểm cụ Lâm Văn U1 chết nên phần thừa kế của ông Lâm Văn B1 (Lớn) được chuyển tiếp cho hàng thừa kế thứ nhất của ông Lâm Văn B1 (Lớn) gồm 3 người: Bà Nguyễn Thị S (Vợ); các con ruột của ông Lâm Văn B1 (Lớn) là Lâm Thị Tường V và Lâm Thị Trúc V1.

3. Về di sản thừa kế của cụ Lâm Văn U1 và cụ Lê Thị N2: Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 56, tờ bản đồ số 13, diện tích 30.840 m² (nay là thửa đất số 24, tờ bản đồ số 07, diện tích 30.302,2m²), có giá trị 19.908.545.400 đồng.

Di sản của cụ N2: $\frac{1}{2} \times 30.302,2 \text{ m}^2 = 15.151,1 \text{ m}^2$. Như vậy, di sản của cụ N2 để lại được chia làm 08 phần, ông Lâm Văn B (Nhỏ); Bà Lâm Thị Bé E; Bà Lâm Thị H; Bà Lâm Thị Bé U; Ông Lâm Út N; Cụ Lâm Văn U1 mỗi người được hưởng 1/8 di sản của cụ N2, mỗi người được chia: **1.893,888 m²**. Ông Lâm Út T1 được hưởng 2/8 di sản của cụ N2, tương đương diện tích đất **3.787,775m²**.

Di sản của cụ U: $(\frac{1}{2} \times 30.302,2 \text{ m}^2) + 1.893,888 \text{ m}^2$ (phần thừa kế mà cụ U1 được hưởng từ cụ N2) = **17.044,988 m²**. Như vậy, di sản của cụ U1 để lại chia 8 phần, ông Lâm Văn B (Nhỏ); Bà Lâm Thị Bé E; Bà Lâm Thị H; Bà Lâm Thị Bé U; Ông Lâm Út N; Ông Lâm Văn B1 (Lớn) mỗi người được hưởng 1/8 di sản của cụ U1, mỗi người được hưởng 2.130,623m². Ông Lâm Út T1 được hưởng 2/8 di sản của cụ U1, tương đương diện tích đất 4.261,247m².

Ông Lâm Văn B1 (Lớn) (chết ngày 10/10/2013) sau thời điểm cụ Lâm Văn U1 chết nên phần thừa kế của ông Lâm Văn B1 (Lớn) được chuyển tiếp cho hàng thừa kế thứ nhất của ông Lâm Văn B1 (Lớn) các con ruột của ông Lâm Văn B1 (Lớn) là Lâm Thị Tường V và Lâm Thị Trúc V1, cụ thể bà Lâm Thị Tường V 1.065,312m², bà Lâm Thị Trúc V1 1.065,312m²

Như vậy, ông Lâm Văn B (Nhỏ); Bà Lâm Thị Bé E; Bà Lâm Thị H; Bà Lâm Thị Bé U; Ông Lâm Út N, mỗi người được chia diện tích đất là **4.024,511 m²**. Ông Lâm Út T1 được chia diện tích đất là **8.409,022m²**, bà Lâm Thị Tường V 1.065,312m², bà Lâm Thị Trúc V1 1.065,312m².

4. Thửa đất số 56, tờ bản đồ số 13, diện tích 30.840 m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0485814 do Ủy ban nhân dân thị xã B cấp ngày 06/3/1995, qua xác minh, đo vẽ thực tế nay là thửa đất số 24, tờ bản đồ số 07, diện tích 30.302,2 m², chia theo hiện vật cụ thể như sau:

Ông Lâm Văn B (Nhỏ) được quyền quản lý, sở hữu:

01 lô đất có diện tích 4.025,0 m² đất trồng cây lâu năm có ký hiệu (4) theo Bản Hoàn công cắm mốc phương án I, ngày 30/8/2023, có tứ cận như sau:

Phía Đông: Giáp đường đi, cạnh dài 22,61 m.

Phía Tây: Giáp thửa đất số 55, cạnh dài 22,61 m.

Phía Nam: Giáp thửa đất có ký hiệu (5), cạnh dài 177,96m.

Phía Bắc: Giáp thửa đất có ký hiệu (3), cạnh dài 139,80m, giáp thửa ký hiệu (2) cạnh dài 19.08m và giáp thửa ký hiệu (1) cạnh dài 19,20m

Trị giá thửa đất: 2.644.425.000 đồng

Tài sản gắn liền với đất:

Cây chuối: 22 bụi, trị giá 1.540.000 đồng

2 cây me trồng năm 2002, trị giá 1.045.400 đồng.

134 Cây cà phê trồng năm 1997, trị giá 23.986.000 đồng

8 Cây hồ tiêu trồng năm 2018, có trị giá 2.074.400 đồng.

21 Cây bơ trồng năm 2017, trị giá 62.769.000 đồng

14 Cây sầu riêng trồng năm 1997, trị giá 23.730.000đ

36 cây sầu riêng trồng năm 2017, trị giá 163.080.000đ

5 cây sầu riêng trồng năm 2020, trị giá 3.060.000đ

3 cây mít trồng năm 2016, trị giá 4.353.000đ

5 cây sầu riêng trồng năm 2023, trị giá 1.765.000đ

Tổng giá trị tài sản trên đất là 287.398.800đ

Bà Lâm Thị H được quyền quản lý, sở hữu:

01 lô đất có diện tích 4.025,1 m² đất trồng cây lâu năm có ký hiệu (5) theo Bản Hoàn công cắm mốc phương án I, ngày 30/8/2023, có tứ cận như sau:

Phía Đông: Giáp đường đi, cạnh dài 22,63 m.

Phía Tây: Giáp thửa đất số 55, cạnh dài 22,63m

Phía Nam: Giáp thửa đất có ký hiệu (6), cạnh dài 177,83m.

Phía Bắc: Giáp thửa ký hiệu (4), cạnh dài 117,96m.

Trị giá thửa đất: 2.644.490.700 đồng.

Tài sản gắn liền với đất:

61 cây chuối có buồng trị giá 4.270.000 đồng;

194 cây cà phê trồng năm 1997, trị giá 34.726.000 đồng;

44 cây bơ trồng năm 2017, trị giá 131.516.000 đồng;

16 cây sầu riêng trồng năm 1997, trị giá 27.120.000 đồng;

28 cây sầu riêng trồng năm 2017, trị giá 126.840.000 đồng;

30 cây sầu riêng trồng năm 2020, trị giá 18.360.000 đồng;

5 cây sầu riêng trồng năm 2023, trị giá 1.765.000 đồng;

02 cây hồ tiêu trồng năm 2018, trị giá 517.600 đồng

Tổng giá trị tài sản gắn liền với đất là 345.114.600 đồng.

Bà Lâm Thị Bé E được quyền quản lý, sở hữu:

01 lô đất có diện tích 4.025,1 m² đất trồng cây lâu năm có ký hiệu (6) theo Bản Hoàn công cắm mốc phương án I, ngày 30/8/2023, có tứ cận như sau:

Phía Đông: Giáp đường đi, cạnh dài 22,65m.

Phía Tây: Giáp thửa 55, cạnh dài 22,65m.

Phía Nam: Giáp thửa đất có ký hiệu (7), cạnh dài 177,70m.

Phía Bắc: Giáp thửa ký hiệu số (5), cạnh dài 177,83m.

Trị giá thửa đất: 2.644.490.700 đồng.

Tài sản gắn liền với đất:

211 cây cà phê trồng năm 1997, trị giá 37.769.000 đồng;

53 cây bơ trồng năm 2017, trị giá 158.417.00 đồng.

13 cây sầu riêng trồng năm 1997, trị giá 22.035.000 đồng;
34 cây sầu riêng trồng năm 2017, trị giá 154.020.000 đồng;
27 cây sầu riêng trồng năm 2020, trị giá 16.524.000 đồng;
5 cây dừa trồng năm 2012, trị giá 4.411.000 đồng;
2 cây tre, trị giá 2.400.000 đồng;
63 cây hồ tiêu năm 2018, loại B, trị giá 16.317.000 đồng;
5 cây hồ tiêu năm 2018, trị giá 1.294.000 đồng;
1 cây me trồng năm 2002, trị giá 522.700 đồng;
5 cây mít trồng năm 2016, trị giá 7.255.000 đồng;
Tổng giá trị tài sản gắn liền với đất là 420.964.700 đồng.

Ông Lâm Út N được quyền quản lý, sở hữu:

01 lô đất có diện tích 4.025,0m² đất trồng cây lâu năm có ký hiệu (7) theo Bản Hoàn công cắm mốc phương án I, ngày 30/8/2023, có tứ cận như sau:

Phía Đông: Giáp đường đi, cạnh dài 22,66m.

Phía Tây: Giáp thửa 55, cạnh dài 22,66m.

Phía Nam: Giáp thửa đất có ký hiệu (8), cạnh dài 177,57m.

Phía Bắc: Giáp thửa ký hiệu số (6), cạnh dài 177,70m.

Trị giá thửa đất: 2.644.425.000đồng.

Tài sản gắn liền với đất:

4 cây tre, trị giá 4.800.000 đồng;

8 cây sầu riêng trồng năm 1997, trị giá 13.560.000 đồng;

37 cây sầu riêng trồng năm 2017, trị giá 167.610.000 đồng;

7 cây sầu riêng trồng năm 2020, trị giá 4.284.000 đồng;

4 cây dừa trồng năm 2012, trị giá 3.528.800 đồng;

50 cây bơ trồng năm 2017, trị giá 149.450.000 đồng;

155 cây cà phê trồng năm 1997, trị giá 27.745.000 đồng;

01 cây me trồng năm 2002, trị giá 522.700 đồng;

04 cây cau trồng năm 2018 trị giá 441.600 đồng;

Tổng giá trị tài sản gắn liền với đất là 371.942.100 đồng.

Bà Lâm Thị Bé U được quyền quản lý, sở hữu:

01 lô đất có diện tích 4.025,2 m² đất trồng cây lâu năm có ký hiệu (8) theo Bản Hoàn công cấm mốc phương án I, ngày 30/8/2023, có tứ cận như sau:

Phía Đông: Giáp đường đi, cạnh dài 5,61m và thửa 56A cạnh dài 63,93m

Phía Tây: Giáp thửa đất 55, cạnh dài 67,63m.

Phía Nam: Giáp thửa đất 57, cạnh dài 47,11m

Phía Bắc: Giáp thửa ký hiệu (7) cạnh dài 177,57m.

Trị giá thửa đất: 2.644.556.400 đồng.

Tài sản gắn liền với đất:

124 cây cà phê trồng năm 1997, trị giá 22.196.000 đồng;

3 cây chuối có buồng trị giá 210.000 đồng;

19 cây sầu riêng trồng năm 1997 trị giá 32.205.000 đồng;

11 cây sầu riêng trồng năm 2020, trị giá 6.732.000 đồng.

8 cây sầu riêng trồng năm 2017, trị giá 36.240.000 đồng.

15 cây cau trồng năm 2018, trị giá 1.656.000 đồng.

9 cây mít trồng năm 2016, trị giá 13.059.000 đồng.

1 cây sapoche trồng năm 2010, trị giá 871.100 đồng.

1 cây chôm chôm trồng năm 2008, trị giá 532.600 đồng.

8 cây bơ trồng năm 2017, trị giá 23.912.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản gắn liền với đất là 137.613.700 đồng.

Ông Lâm Út T1 được quyền quản lý, sở hữu:

01 lô đất có diện tích 8.046,3 m² đất trồng cây lâu năm có ký hiệu (3) theo Bản Hoàn công cắm mốc phương án I, ngày 30/8/2023, có tứ cận như sau:

Phía Đông: Giáp đường đi, cạnh dài 55,40m + 4,23m.

Phía Tây: Giáp thửa ký hiệu (2), cạnh dài 55,94m.

Phía Nam: Giáp thửa đất có ký hiệu (4), cạnh dài 139,80m.

Phía Bắc: Giáp đường đất cạnh dài lần lượt là 47,46m + 9,15m + 25,64m + 43,57m + 12,41m.

Trị giá thửa đất: 5.286.419.100đồng.

Tài sản gắn liền với đất:

98 cây sầu riêng trồng năm 1997 trị giá 166.110.000 đồng;

22 cây sầu riêng trồng năm 1997, trị giá 99.660.000 đồng.

18 cây sầu riêng trồng năm 2020, trị giá 11.016.000 đồng.

3 cây sầu riêng trồng năm 2023, trị giá 1.059.000 đồng.

759 cây cà phê trồng năm 1997, trị giá 135.861.000 đồng;

20 cây mít trồng năm 2016 trị giá 29.020.000 đồng;

Tổng giá trị tài sản gắn liền với đất là 442.726.000 đồng.

Chị Lâm Thị Tường V được quyền quản lý, sở hữu:

01 lô đất có diện tích 1.065,4 m² đất trồng cây lâu năm có ký hiệu (2) theo Bản Hoàn công cắm mốc phương án I, ngày 30/8/2023, có tứ cận như sau:

Phía Đông: Giáp thửa ký hiệu (3), cạnh dài 55,94m.

Phía Tây: Giáp thửa ký hiệu (1), cạnh dài 55,74m.

Phía Nam: Giáp thửa đất có ký hiệu (4), cạnh dài 19,08m.

Phía Bắc: Giáp đường đất cạnh dài 19,08m.

Trị giá thửa đất: 699.967.800 đồng .

Tài sản gắn liền với đất:

08 cây bơ trồng năm 2017, trị giá 23.912.000 đồng;

06 cây sầu riêng trồng năm 2017, trị giá 27.180.000 đồng.

05 cây sầu riêng trồng năm 1997, trị giá 8.475.000 đồng.

2 cây me trồng năm 2010, trị giá 1.045.400 đồng.

33 cây cà phê trồng năm 1997, trị giá 5.907.000 đồng;

2 cây chuối có buồng, trị giá 140.000 đồng;

Tổng giá trị tài sản gắn liền với đất là 66.659.400 đồng.

Chị Lâm Thị Trúc V1 được quyền quản lý, sở hữu:

01 lô đất có diện tích 1.065,1 m² đất trồng cây lâu năm có ký hiệu (1) theo Bản Hoàn công cắm mốc phương án I, ngày 30/8/2023, có tứ cận như sau:

Phía Đông: Giáp thửa ký hiệu (2), cạnh dài 55,74m.

Phía Tây: Giáp thửa 55, cạnh dài 52,36m +3,70m

Phía Nam: Giáp thửa đất có ký hiệu (4), cạnh dài 19,20m.

Phía Bắc: Giáp đường đất cạnh dài 17,29m.

Trị giá thửa đất: 699.770.700 đồng .

Tài sản gắn liền với đất:

10 cây bơ trồng năm 2017, trị giá 29.890.000 đồng;

15 cây chuối có buồng, trị giá 1.050.000 đồng.

21 cây cà phê trồng năm 1997, trị giá 3.759.000 đồng;

14 cây sầu riêng trồng năm 1997, trị giá 23.730.000 đồng.

4 cây sầu riêng trồng năm 2017, trị giá 18.120.000 đồng.

1 cây mít trồng năm 2010, trị giá 1.451.000 đồng.

5 cây cây trồng năm 2018, trị giá 552.000 đồng;

Tổng giá trị tài sản gắn liền với đất là 78.552.000 đồng.

5. Tài sản gắn liền trên đất mà ông Lâm Út T1 và bà Nguyễn Thị D3 tạo lập:

Ông Lâm Văn B (Nhỏ) có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản trên đất cho ông Lâm Út T1, bà Nguyễn Thị D3 là 287.398.800 đồng;

Bà Lâm Thị Bé E có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản trên đất cho ông Lâm Út T1, bà Nguyễn Thị D3 là 420.964.700 đồng;

Bà Lâm Thị H có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản trên đất cho ông Lâm Út T1, bà Nguyễn Thị D3 là 345.114.600 đồng;

Bà Lâm Thị Bé U có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản trên đất cho ông Lâm Út T1, bà Nguyễn Thị D3 là 137.613.700 đồng;

Ông Lâm Út N có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản trên đất cho ông Lâm Út T1, bà Nguyễn Thị D3 là 371.942.100 đồng;

Bà Lâm Thị Tường V có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản trên đất cho ông Lâm Út T1, bà Nguyễn Thị D3 là 66.659.400 đồng.

Bà Lâm Thị Trúc V1 có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản trên đất cho ông Lâm Út T1, bà Nguyễn Thị D3 là 78.552.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất được chia nêu trên và thực hiện các nghĩa vụ khi làm thủ tục theo quy định của pháp luật.

6. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu chia hoa lợi, lợi tức phát sinh chưa chia từ các đồng thừa kế tại thửa đất số 56 tờ bản đồ số 13, diện tích 30.480 m², tính từ năm 2002 đến nay là 20 năm.

[3]. Về chi phí tố tụng:

Các đương sự phải chịu 94.966.000 đồng tiền chi phí thẩm định, đo vẽ, cắm mốc và thẩm định giá tài sản tương ứng với phần di sản thừa kế mà mình được nhận, chia cụ thể như sau:

Ông Lâm Văn B (Nhỏ), bà Lâm Thị Bé E, bà Lâm Thị H, bà Lâm Thị Bé U, ông Lâm Út N mỗi người phải chịu 12.614.000 đồng (làm tròn); Ông Lâm Út T1 phải chịu 25.216.000 đồng (làm tròn). Chị Lâm Thị Tường V, chị Lâm Thị Trúc V1 mỗi người phải chịu 3.339.000 đồng (làm tròn).

Trả lại cho bà Lâm Thị H, bà Lâm Thị Bé U 69.738.000 đồng (làm tròn) tiền tạm ứng chi phí thẩm định, đo vẽ, cắm mốc và thẩm định giá tài sản khi nào thu được của ông Lâm Văn B (Nhỏ), bà Lâm Thị Bé E, ông Lâm Út N, ông Lâm Út T1, chị Lâm Thị Tường V, chị Lâm Thị Trúc V1.

[4]. Về án phí:

[4.1] Về án phí Dân sự sơ thẩm:

- Ông Lâm Văn B (Nhỏ), bà Lâm Thị Bé E, bà Lâm Thị H, bà Lâm Thị Bé U, ông Lâm Út T1, bà Nguyễn Thị D3 là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm nên miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho những người này.

- Ông Lâm Út N phải chịu 92.327.000 đồng (làm tròn) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với phần giá trị tài sản được hưởng.

- Bà Lâm Thị Tường V phải chịu 34.665.000 đồng (làm tròn) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Lâm Thị Trúc V1 phải chịu 35.133.000 đồng (làm tròn) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lâm Thị H, bà Lâm Thị Bé U, ông Lâm Út N, bà Lâm Thị Tường V, bà Lâm Thị Trúc V1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

- Hoàn trả cho ông Lâm Út N 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0004345 ngày 14/11/2023, tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

- Hoàn trả cho bà Lâm Thị Tường V 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0004477 và bà Lâm Thị Trúc V1 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0004478, các biên lai nộp cùng ngày 04/12/2023, tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Kèm theo bản án là Bản hoàn công cắm mốc phương án I, ngày 30/8/2023 của Công ty TNHH Đ1)

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thành phố Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hằng